



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số: 01.../TB-CKV-HĐQT

Hà Nội, ngày 29... tháng 05... năm 2026

THÔNG BÁO MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần COKYVINA trân trọng thông báo và kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 như sau:

- 1. Thời gian tổ chức Đại hội:** Từ 8h30' Thứ ba, ngày 23 tháng 06 năm 2026.
- 2. Địa điểm tổ chức Đại hội:** Tại trụ sở Công ty – Số 178, Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.
- 3. Nội dung Đại hội:**
Nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần COKYVINA sẽ được đăng tải tại website: <http://www.cokyvina.com.vn>.
- 4. Điều kiện tham dự Đại hội:**

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu của Công ty cổ phần COKYVINA theo danh sách chốt đến ngày 26/05/2026 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

5. Xác nhận tham dự Đại hội:

Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội, hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu **Giấy xác nhận tham dự/Giấy Ủy quyền tham dự** gửi kèm) và gửi về Công ty theo đường Bưu điện về địa chỉ: **Số 178, Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội**. Công ty COKYVINA chỉ xác nhận thư hợp lệ là những thư được COKYVINA nhận trước 15h00 ngày 20/06/2026.

Mọi thông tin chi tiết xin liên hệ:

Bà Vũ Thị Kim Thoa – Phó Phòng Kế toán Tài chính – Công ty Cổ phần Cokyvina.

Di động: 098 277 2325 E-mail: thoavtk8@gmail.com.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự Đại hội xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Thông báo mời họp, Giấy CMND/CCCD hoặc Hộ chiếu (bản gốc), Giấy ủy quyền (trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại Hội).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần COKYVINA rất mong Quý cổ đông thu xếp thời gian tham dự cuộc họp để đóng góp ý kiến cho kế hoạch kinh doanh và chiến lược phát triển của Công ty.

Trân trọng thông báo./.

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM VIỆT HUY



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số: 01-TB-CKV-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc: **đề cử, ứng cử bổ sung, thay thế chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần COKYVINA**

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Tiếp theo thông báo số 01/TB-CKV-HĐQT ngày...../...../2026, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần COKYVINA trân trọng thông báo tới các cổ đông về việc đề cử, ứng cử bổ sung, thay thế chức danh thành viên Hội đồng quản trị như sau:

I. Thành viên Hội đồng quản trị:

- Bầu thay thế 01 thành viên hội đồng quản trị sắp nghỉ chế độ và bầu bổ sung 01 thành viên hội đồng quản trị độc lập.
- Điều kiện đề cử, ứng cử: Theo các quy định pháp lý về điều kiện đề cử, ứng cử bổ sung, thay thế thành viên HĐQT đối với các cổ đông CKV như Quy chế bầu cử/ứng cử đính kèm.

II. Hồ sơ tham gia đề cử, tự ứng cử:

1. Hồ sơ đề cử, tự ứng cử gồm có:

- Đơn đề cử, ứng cử vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị (Mẫu 1);
- Sơ yếu lý lịch (Mẫu 2);

Các Mẫu nêu trên được đăng tải tại website: www.cokyvina.com.vn

2. Thời hạn gửi hồ sơ:

Bản chính toàn bộ hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về:

Ông Hoàng Minh Đức – Thư ký công ty - Công ty Cổ phần Cokyvina: **Số 178, Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.** Di động: 0816248085 Email: hoangminhduc202004@gmail.com.

Thời gian nhận: chậm nhất trước 15h00 ngày 14/06/2026.

Lưu ý: Người được đề cử, ứng cử bổ sung, thay thế vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề cử, ứng cử của mình.

Trân trọng thông báo./.

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA
CHỦ TỊCH
CỔ PHẦN
COKYVINA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHẠM VIỆT HUY



COKYVINA
JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 178 Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội Tel: 024 39781323
Email: info@cokyvina.com.vn; Website: www.cokyvina.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Thời gian: Từ 8 giờ 30 phút Thứ ba ngày 23 tháng 06 năm 2026.

Địa điểm: Trụ sở Công ty – Số 178 Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
07h30' – 08h30'	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: – Đón tiếp đại biểu và cổ đông tham dự Đại hội. – Kiểm tra tư cách cổ đông và lập danh sách cổ đông tham dự đại hội, phát phiếu biểu quyết và tài liệu.	- Ban Tổ chức - Ban kiểm tra tư cách cổ đông
08h30' – 08h45'	Khai mạc Đại hội: - Khai mạc Đại hội và tuyên bố lý do. – Thông qua biên bản thẩm tra tư cách cổ đông và tuyên bố điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	- Ban Tổ chức - Ban kiểm tra tư cách cổ đông
08h45' – 09h00'	Giới thiệu chương trình Đại hội: – Giới thiệu đại biểu, cổ đông tham dự Đại hội. – Trình Đại hội thông qua chương trình Đại hội, danh sách Đoàn chủ tịch, Ban Thư ký Đại hội và Ban Kiểm phiếu.	-Ban Tổ chức -Ban Tổ chức
09h00' – 10h15'	Nội dung Đại hội: - Trình Đại hội thông qua chương trình và quy chế làm việc Đại hội. - Báo cáo của HĐQT năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026. - Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Tổng giám đốc. - Báo cáo chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2029 - Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. - Xin ý kiến biểu quyết thông qua tờ trình thay đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Cokyvina năm 2026. - Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán. - Trình Phương án lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2026. - Trình Phương án lựa chọn Công ty kiểm toán nội bộ năm 2026. - Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, trích lập quỹ, trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2025. - Xin ý kiến biểu quyết thông qua đơn miễn nhiệm TV HĐQT Cty Cokyvina, bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT, trong đó có 01 thành viên hội đồng quản trị độc lập.	- Đoàn Chủ tịch -Đoàn Chủ tịch -Đoàn Chủ tịch -Ban Kiểm soát -Đoàn Chủ tịch - Đoàn Chủ tịch - Đoàn Chủ tịch - Đoàn Chủ tịch - Đoàn Chủ tịch - Đoàn Chủ tịch

<p>10h15' – 11h15'</p>	<p>Bầu cử bổ sung thành viên HĐQT – Đoàn Chủ tịch giới thiệu Ban Bầu cử. – Ban Bầu cử trình Đại hội thông qua quy chế bầu cử bổ sung TV HĐQT. – Đoàn Chủ tịch giới thiệu danh sách nhân sự đề cử và ứng cử bổ sung TV HĐQT - Ban bầu cử tổ chức bầu cử và kiểm phiếu.</p>	<p>-ĐoànChủ tịch - Ban Bầu cử - Đoàn Chủ tịch - Ban Bầu cử</p>
<p>11h15' – 12h00'</p>	<p>Đại hội thảo luận và biểu quyết -Ban Bầu cử báo cáo kết quả bầu cử HĐQT. -Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo. -Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội. - Thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới ra mắt Đại hội.</p>	<p>- Ban Bầu cử - Đoàn Chủ tịch - Ban Thư ký - Ban Tổ chức</p>
<p>12h00' – 12h15'</p>	<p>Bế mạc Đại hội</p>	<p>Ban tổ chức</p>



CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02...../BC-CKV-HĐQT

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2026

Kính thưa: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Cokyvina đã thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT đã thực hiện việc quản lý, định hướng chiến lược kinh doanh, giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. HĐQT thực hiện việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 và xin báo cáo với toàn thể cổ đông về hoạt động của HĐQT trong năm 2025. Nội dung cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2025

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Năm 2025, Công ty đã đạt kết quả tổng doanh thu là: 197.135 triệu đồng, đạt 110% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế là: 3.061 triệu đồng và đạt hơn 102% kế hoạch được giao. Mặc dù vẫn gặp phải rất nhiều khó khăn cùng với sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ của các đơn vị trong và ngoài ngành ở hầu hết các mảng kinh doanh dịch vụ nhưng Công ty vẫn nỗ lực hết sức để đạt được kết quả hoàn thành/hoàn thành vượt kế hoạch được giao, duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi nhuận và đảm bảo cổ tức cho cổ đông của Công ty.

• Số liệu kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch được giao năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu (DT bán hàng, DT Tài chính, Thu nhập khác)	178.153	197.135	110%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.000	3.061	102%
4	Tỉ suất LNST/VCSH	6,1%	6,23%	102%
5	Tỉ lệ chi trả cổ tức	6,27%	6,27%	100%



(Handwritten signature)

Ghi chú: Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là doanh thu đã trừ đi doanh thu thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động thuộc các tháng cuối năm 2024 nhưng đối soát, xuất hóa đơn vào các tháng đầu năm 2025, số tiền là 63.507 triệu đồng,

Ghi chú: - Vốn chủ sở hữu được xác định bằng Vốn điều lệ + quỹ đầu tư phát triển là: 49.142 triệu đồng.

II. Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã luôn tích cực phối hợp công tác điều hành trong hoạt động SXKD. HĐQT đã tổ chức thành công kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2025, tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị để đưa ra phương hướng, kế hoạch hoạt động và chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện công tác quản lý điều hành SXKD. Các công việc thực hiện trong năm 2025:

1. Năm 2025, thực hiện theo các chủ trương, định hướng đúng đắn của HĐQT, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn, tháo gỡ được nhiều vướng mắc gặp phải trong quá trình SXKD và đã hoàn thành được chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.
2. HĐQT tổ chức các phiên họp định kì; thường xuyên tiến hành lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản và ban hành các Nghị quyết để quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, tài chính, nhân sự...thuộc thẩm quyền của mình.
3. HĐQT luôn kiểm tra và sát sao trong công tác quản lý và hoạt động chung của Công ty để nêu ra các hạn chế, thiếu sót đang tồn tại, đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục cụ thể để yêu cầu Ban Tổng giám đốc tổ chức thực hiện.
4. Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc luôn chú trọng tới công tác quản lý tài chính, tiết kiệm chi phí và thu hồi công nợ của toàn Công ty.
5. Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc chú trọng đến công tác xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng, đồng bộ tạo nền móng cho sự phát triển vững mạnh, lâu dài của Công ty.

B. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. HĐQT vẫn luôn theo sát và có những chỉ đạo kịp thời, cần thiết và hiệu quả đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu đề ra và có những định hướng đúng đắn giúp Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty thật hiệu quả.

2. Giám sát các hoạt động về tổ chức thực hiện và ban hành các quy chế, quy định của Công ty.
3. Giám sát Tổng giám đốc điều hành và chỉ đạo Công ty thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và triển khai các công việc theo yêu cầu của HĐQT theo đúng quy định của Công ty và pháp luật.
4. Qua công tác giám sát, kiểm tra, HĐQT đánh giá cao việc nỗ lực thực hiện đúng chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đối với các nhiệm vụ, các định hướng của HĐQT, ĐHĐCĐ và theo đúng Điều lệ của Công ty và theo quy định của pháp luật.
5. Các đề xuất của Ban Tổng Giám đốc đối với HĐQT đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời, hiệu quả.

C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2026

I. Chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2026 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	195.225
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.944
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	8,03
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6,00

II. Phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2026 như sau:

1. Tổ chức các phiên họp định kỳ. Tại phiên họp, HĐQT nghe báo cáo, phương hướng hoạt động và những kiến nghị của Ban Tổng Giám đốc, thảo luận, thông qua các báo cáo và đưa ra phương hướng hoạt động, giải quyết các khó khăn còn tồn tại của Công ty.
2. Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nếu có phát sinh.
3. Chỉ đạo Công ty tiếp tục phát huy những thế mạnh kinh doanh sẵn có và tận dụng mọi cơ hội tìm kiếm và phát triển thị trường mới để mang lại hiệu quả kinh tế trong hoạt động SXKD và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra.

4. Tiếp tục nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị và điều hành để doanh nghiệp phát huy được hết các lợi thế và tiềm lực sẵn tạo nên một thương hiệu mạnh, uy tín vượt trội trên thị trường.
5. Chỉ đạo Ban lãnh đạo Công ty tiếp tục chú trọng đến việc giữ ổn định và nâng cao thu nhập, nâng cao đời sống tinh thần cho toàn thể CBCNV, cố gắng xây dựng một tập thể Công ty thật sự đoàn kết, đồng sức, đồng lòng cùng hướng về một mục tiêu chung.
6. Mục tiêu năm 2026, hoàn thành các nội dung trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ, hoàn thành hoặc hoàn thành vượt chỉ tiêu, kế hoạch được ĐHĐCĐ đề ra.

Hội đồng quản trị với chức năng và nhiệm vụ của mình, thay mặt cổ đông hoạch định ra phương hướng chiến lược, xây dựng kế hoạch tổng thể cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực chỉ đạo toàn diện, sâu sát và cụ thể mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo toàn vốn, tỉ suất lợi nhuận trên vốn, cổ tức, quyền lợi của cổ đông và mọi chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2026 đã được phê duyệt.

Thay mặt HĐQT Công ty Cổ phần Cokyvina, tôi xin chân thành cảm ơn sự tham dự của các quý vị đại biểu cũng như sự tin nhiệm của các quý Cổ đông đã dành cho HĐQT.

Kính chúc sức khỏe quý cổ đông và xin trân trọng cảm ơn./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Viết Huy

Số:..07..../BC-CKV-TGD

Hà Nội, ngày.29...tháng.05...năm 2026

**BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VỀ
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026**

Kính thưa: Quý vị Cổ đông

Năm 2025, mặc dù thị trường Viễn thông - CNTT nói riêng và thị trường chung gặp khá nhiều khó khăn và sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt song Công ty Cổ phần Cokyvina đã có một năm hoạt động hiệu quả với sự tăng trưởng đồng đều ở cả doanh thu và lợi nhuận, vẫn duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định được việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, đảm bảo tỉ lệ chi trả cổ tức, hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông giao phó. Có được kết quả này là nhờ vào tinh thần quyết tâm cao vượt mọi khó khăn, cùng sự chung sức, đồng lòng của tập thể Ban lãnh đạo cũng như toàn thể CBCNV Công ty.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể năm 2025 và kế hoạch, nhiệm vụ năm 2026 như sau:

A- HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

I. Kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2025:

Đơn vị tính: triệu đồng./.

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch được giao năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu (DT bán hàng, DT Tài chính, Thu nhập khác)	178.153	197.135	110%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.000	3.061	102%
4	Tỉ suất LNST/VCSH	6,1%	6,23%	102%
5	Tỉ lệ chi trả cổ tức	6,27%	6,27%	100%

Ghi chú: Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là doanh thu đã trừ đi doanh thu thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động thuộc

các tháng cuối năm 2024 nhưng đối soát, xuất hóa đơn vào các tháng đầu năm 2025, số tiền là 63.507 triệu đồng,

Ghi chú: - Vốn chủ sở hữu được xác định bằng Vốn điều lệ + quỹ đầu tư phát triển là: 49.142 triệu đồng

II. Tổng hợp doanh thu trong và ngoài Tập đoàn VNPT giai đoạn 2024 - 2025

Đơn vị tính: triệu đồng./.

Chỉ tiêu Doanh thu	2024	2025
Doanh thu trong VNPT	839.028	148.852
Tỷ trọng DT trong VNPT/Tổng DT (%)	92,4	76,0
Doanh thu ngoài VNPT	69.218	47.008
Tỷ trọng DT ngoài VNPT/Tổng DT (%)	7,6	24,0
Trong đó DT DV Công nghệ thông tin	17.406	32.155
Tỷ trọng DT DV CNTT/Tổng DT (%)	1,92	16,42
Tổng Doanh thu	908.246	195.860

Ghi chú: Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là doanh thu đã trừ đi doanh thu thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động thuộc các tháng cuối năm 2024 nhưng đối soát, xuất hóa đơn vào các tháng đầu năm 2025, số tiền là 63.507 triệu đồng,

III. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2025:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty Cổ phần Cokyvina đã đạt và vượt kế hoạch đề ra trong năm 2025, với các lĩnh vực mũi nhọn đều vượt chỉ tiêu đề ra, cho thấy Công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả, dù thị trường có nhiều khó khăn và thách thức.

Cụ thể từng lĩnh vực hoạt động của Công ty được thể hiện như sau:

a. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ ủy thác nhập khẩu:

- Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ ủy thác nhập khẩu năm 2025 đã hoàn thành khả quan kế hoạch được giao với doanh thu đạt: **3.051.374.072 đồng** (đạt 100,2% so với năm 2024). Lợi nhuận ròng giao kế hoạch là: **2.500.000.000 đồng**, lợi nhuận thực hiện là: **2.976.274.072 đồng** (đạt 119,1% so với kế hoạch được giao).
- Năm 2025 lĩnh vực này có 1 số khó khăn như:

- Thị trường cạnh tranh mạnh mẽ, phải giảm giá và/hoặc cung cấp những dịch vụ miễn phí nên tỷ suất Lợi nhuận giảm.
- Thời gian triển khai các hợp đồng này dài, mất nhiều thời gian và nhân sự thực hiện.
- Các Nghị định, thông tư và các qui định của nhà nước và cơ quan quản lý thay đổi liên tục, qui định về loại giấy phép nhiều hơn và gài dây các bộ ngành quản lý sáp nhập nên mất nhiều thời gian trong việc xin cấp phép, làm các thủ tục pháp lý liên quan. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc phải chịu nhiều sức ép về tiến độ giao hàng từ chủ đầu tư và có nhiều rủi ro phát sinh chi phí lưu kho bãi đối với việc thực hiện các hợp đồng đang triển khai.
- Dư địa để phát triển lĩnh vực ủy thác XNK không còn nhiều, chính vì vậy để tăng doanh thu ở lĩnh vực ủy thác XNK, Công ty cần phải chuyển đổi sang hình thức khác như nhập khẩu mua bán trực tiếp, đại diện các nhà cung cấp nước ngoài tham dự thầu trong nước,...

b. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ logistics:

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện dịch vụ cho thuê 54 xe ô tô các loại: 5 chỗ, 7 chỗ. Doanh thu kế hoạch giao: **9.750.000.000 đồng**, doanh thu thực hiện đạt: **8.720.511.124 đồng** (hoàn thành 89,4% so với kế hoạch giao và đạt 98,3% so với cùng kỳ năm 2024). Lợi nhuận gộp năm 2025 là: **3.852.407.169 đồng**. Năm 2025, lĩnh vực này phải đối mặt với nhiều khó khăn do chủ trương cải tổ bộ máy, tiết kiệm chi phí của các chủ đầu tư, tuy nhiên Công ty vẫn mở rộng được thị trường, ký được nhiều hợp đồng mới.
- Về vận hành kinh doanh kho bãi, Công ty kiên trì theo định hướng đầu tư bài bản, chuyên nghiệp, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu thuê kho bãi, vận chuyển của đối tác và luôn nỗ lực khai thác, tìm kiếm các khách hàng mới. Kết quả thu được năm 2025 là hầu hết diện tích tại kho Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội đã được ký hợp đồng thuê với tổng diện tích thuê là: 3.355m² (phủ 99% tổng diện tích kho sẵn có) với lợi nhuận là: **2.656.643.333 đồng** (hoàn thành 107% kế hoạch và tăng trưởng 108,8% so với năm 2024), 100% các hợp đồng ký dài hạn từ 1 năm trở lên.

c. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ giá trị gia tăng:

Trong năm 2025, lĩnh vực dịch vụ giá trị gia tăng, CNTT của Công ty đang kiểm soát tốt chi phí khi doanh thu giảm nhưng lợi nhuận lại tăng so với cùng kỳ. Doanh thu kế hoạch giao: **100.000.000.000 đồng**, doanh thu thực hiện đạt: **70.964.691.312 đồng** (đạt 71% kế hoạch và đạt 63,4% so với năm 2024). Lợi nhuận gộp kế hoạch giao: **4.000.000.000 đồng**, thực hiện đạt: **4.405.233.270 đồng** (hoàn thành 110% kế hoạch và tăng trưởng 127% so với năm 2024). Trong đó, tỉ trọng doanh thu dịch vụ

công nghệ thông tin trong năm 2025 chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc tăng trưởng vượt bậc, chiếm 16,42% tổng doanh thu cả công ty trong năm 2025 so với 1,92% của năm 2024.

- Liên quan đến lĩnh vực này, Công ty đã triển khai nhiều dự án, bao gồm:
 - Dịch vụ xác thực thẻ CCCD gắn chip hợp tác với Cục C06 Bộ Công an;
 - Dịch vụ Viễn thông cố định mặt đất gồm: dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ thuê kênh riêng, dịch vụ kết nối Internet, Dịch vụ mạng riêng ảo, Dịch vụ hội nghị truyền hình, Dịch vụ thư điện tử, Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên.
 - Cung cấp thiết bị HN212 là đầu cuối đọc thông tin trên thẻ CCCD gắn chip để trở thành nhà cung cấp dịch vụ toàn trình cho dịch vụ xác thực thẻ CCCD gắn chip tại Việt Nam.
 - Kết hợp với Vinaphone để thực hiện các dự án cung cấp kênh truyền.
 - Hoàn thiện hệ thống xác thực Căn cước công dân gắn chip với khả năng xử lý cao và an toàn hơn so với hệ thống cũ. Đồng thời tiếp tục phát triển dịch vụ xác thực thẻ CCCD gắn chip, với sản lượng năm 2025 đạt khoảng 3 triệu request, tương đương doanh số gần 10 tỷ đồng.
 - Cung cấp sản phẩm đọc thẻ căn cước công dân ra thị trường: MF360 cho HD Bank và HN212 cho VNPT các tỉnh thành.
 - Nghiên cứu, triển khai, cung cấp sản phẩm Băng tải co rút Telescopic cho Vnpost đi kèm với tự động hóa dây truyền.
 - Thực hiện triển khai hệ thống nhận diện khuôn mặt, biển số xe, kiểm soát vào ra/Giám sát an ninh cho Trụ sở Công an thành phố Hà Nội.
 - Phối hợp với Media và Vinaphone để triển khai thực hiện Dự án dịch vụ lưu trữ cá nhân Vinacloud.
 - Tăng cường, mở rộng các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực chuyển đổi số, hợp tác chặt chẽ cùng VNPT cung cấp các dịch vụ CNTT đến khách hàng bên ngoài ngành; ổn định và phát triển các sản phẩm: Dịch vụ xác thực CCCD, giải pháp loa truyền thanh thông minh, giải pháp tích hợp camera trong các lĩnh vực, voice brandname, kinh doanh sản phẩm kiot thông minh, sản phẩm Vinacloud...Phân đầu đến năm 2030 tỷ trọng kinh doanh các sản phẩm dịch vụ chuyển đổi số, CNTT chiếm tỷ trọng 40% tổng Doanh thu của COKYVINA.

d. Trung tâm kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động:

- Năm 2025, Doanh thu kế hoạch giao cho Trung tâm: **58.000.000.000 đồng**, thực hiện: **79.025.202.021 đồng** (hoàn thành 136,3% kế hoạch). Lợi nhuận gộp kế hoạch

giao: **15.000.000.000 đồng**, thực hiện: **15.518.202.021 đồng** (hoàn thành 103,5% kế hoạch). Năm 2025, Công ty ký các hợp đồng với các đơn vị có khối lượng thuê lại lao động ít hơn nhiều so với năm 2024, tuy nhiên qua các năm, với sự hỗ trợ của Lãnh đạo Tập đoàn, Công ty đã ngày càng mở rộng được thị trường và tăng khối lượng lao động cho thuê lại, nhờ đó vẫn hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch đặt ra.

- Công ty luôn bám sát và kịp thời liên hệ với các đơn vị ký hợp đồng, đảm bảo việc làm thầu/chào hàng cạnh tranh đúng thời gian quy định, thực hiện các chế độ chính sách liên quan tới bảo hiểm/lương đúng thời điểm cho NLĐ.
- Năm 2025, Công ty thực hiện triển khai số hóa phần nghiệp vụ cho thuê lại lao động, phát triển phần mềm riêng để thực hiện nghiệp vụ, góp phần vào công cuộc chuyển đổi số nội bộ Công ty nhằm tăng năng suất và giảm thiểu các sai sót.

d. Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông:

- Doanh thu kế hoạch: **50.000.000.000 đồng**, thực hiện: **54.056.372.342 đồng** (hoàn thành 108,1% kế hoạch). Lợi nhuận ròng kế hoạch: **4.300.000.000 đồng**, thực hiện: **4.410.124.022 đồng** (hoàn thành 102,6% kế hoạch).
- Công ty vẫn tiếp tục cố gắng duy trì liên lạc tốt với các TTKD tỉnh/thành phố. Phối hợp và hỗ trợ từ xa nhanh nhất có thể để triển khai tốt nhất của hoạt động SXKD tại các Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông ủy quyền và Điểm cung cấp dịch vụ VNPT thuộc Cokyvina quản lý.
- Đồng thời tiếp tục cùng Tổng công ty truyền thông (VNPT Media) và 32 TTKD tỉnh/thành phố đang tích cực triển khai hợp đồng cung cấp dịch vụ Mobile Money – VNPT Pay. Sau khi ổn định và đưa vào vận hành, dịch vụ này sẽ là một nguồn thu ổn định của Công ty.
- Phối hợp với các TTKD tỉnh/thành phố triển khai dịch vụ Công nghệ thông tin (CNTT) thông qua các Điểm CNTT, Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông ủy quyền và Điểm cung cấp dịch vụ VNPT thuộc các Chi nhánh cung cấp dịch vụ viễn thông tại các Tỉnh/thành phố.
- Công ty đã ký được các hợp đồng đầu tư tổ máy phát điện và các vật tư lắp đặt 250 KVA (2000Kwh); máy phát điện 12 KVA cho các trạm BTS Vinaphone tại Viễn thông Quảng Ninh; máy phát điện 2.500 KVA cho VNPT Net 2 và hợp đồng cung cấp vật tư trung tu máy phát điện 600KVA cho Trung tâm điều hành hàng không thuộc Tổng công ty quản lý bay Việt Nam, cung cấp máy phát điện cho Viễn thông Lạng Sơn, tổng công ty điện lực Thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển kỹ thuật Hà Nội. Tổng trị giá các hợp đồng máy phát điện ước tính là: **25,93 tỷ đồng**.

e. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các Chi nhánh trực thuộc Công ty

• **Thành lập chi nhánh Thăng Long**

Sau khi được thành lập, chi nhánh đã nhanh chóng đi vào hoạt động và bước đầu tạo ra lợi nhuận cho Công ty với mức doanh thu thực hiện đạt **1.712.811.927** đồng, và mức lợi nhuận ròng đạt **935.584** đồng

• **Chi nhánh Đà Nẵng:**

- Lợi nhuận ròng kế hoạch: **1.527.452.333 đồng**, thực hiện: **1.115.893.943 đồng** (đạt 73,1% so với KH).
- Chi nhánh vẫn tiếp tục ký kết các hợp đồng cho thuê lại lao động với các viên thông tỉnh, các Trung tâm kinh doanh VNPT thuộc khu vực Miền Trung và Tây Nguyên mà Công ty giao cũng như điểm uỷ quyền, hợp tác cung cấp dịch vụ viễn thông.
- Ngoài ra, Chi nhánh tiếp tục thực hiện các dịch vụ đại lý giới thiệu phát triển phần mềm chính quyền số, phần mềm y tế số và các dịch vụ khác để có thêm nguồn thu và lợi nhuận ổn định, hiệu quả.
- Chi nhánh cố gắng khắc phục những khó khăn, nỗ lực ổn định sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường và tiếp tục đẩy mạnh tiếp thị hàng hoá trong và ngoài ngành (trọng tâm là bệnh viện 199 của Bộ công an tại Đà Nẵng và bệnh viện y học cổ truyền của Bộ công an tại Hà Nội, bệnh viện 30-4 của Bộ công an tại Hồ Chí Minh, Tổng cục Hải quan,...).

• **Chi nhánh Hồ Chí Minh:**

- Lợi nhuận năm 2025 của Chi nhánh Hồ Chí Minh là: **608.510.260 đồng** (đạt 93% kế hoạch được giao). Doanh thu trong năm 2025 hoạt động của Chi nhánh chủ yếu từ hoạt động cho thuê lại lao động, dịch vụ viễn thông, bên cạnh đó chi nhánh cũng đã bắt đầu phát triển thêm dịch vụ cung cấp sản phẩm CNTT trên địa bàn VNPT các tỉnh thành. Ngoài ra CN cũng đang theo sát một số khách hàng ngoài ngành cung cấp thiết bị động cơ hộp số để mở rộng thị trường và tăng trưởng doanh thu.

• **Chi nhánh Hưng Yên:**

- Năm 2025 là một năm khó khăn đối với chi nhánh Hưng Yên khi chúng kiến sự sụt giảm mạnh về cả doanh thu và lợi nhuận. Doanh thu của Chi nhánh Hưng Yên năm 2025 là: **9.228.393.848 đồng** (đạt 71% so với kế hoạch đề ra và đạt 78,7% so với cùng kì năm 2024), Lợi nhuận: **104.012.452 đồng** (đạt 45% kế hoạch và giảm 48% so với cùng kì năm 2024).
- Chi nhánh Hưng Yên hiện đang được giao nghiên cứu, thực hiện nhiều lĩnh vực kinh doanh mới:

- + Làm tổng đại lý phân phối sản phẩm dịch vụ bao gồm Sim số đặc thù định dạng + thẻ cào dịch vụ di động của Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông (Vinaphone).
- + Tiếp tục mở rộng lĩnh vực cung cấp thiết bị loa truyền thanh thông minh cho các tỉnh.
- + Phát triển giải pháp Camera AI với thương hiệu là: Vinasmartcam ra thị trường.
- + Đứng tên các sản phẩm hợp tác mới như Kiosk, định vị gps, quản lý trạm BTS...

2. Công tác xây dựng cơ cấu tổ chức nhân sự và bộ máy hoạt động:

- Công ty vẫn luôn theo sát mục tiêu chú trọng việc tuyển chọn, đào tạo nhân sự, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, có kinh nghiệm quản lý, điều hành cùng với đội ngũ cán bộ trẻ trung, năng động, có đủ trình độ, năng lực đáp ứng được các tiêu chuẩn đề ra để dần nâng cao nguồn nhân lực có chất lượng góp phần vào sự phát triển vững chắc của Công ty trong hiện tại và tương lai.
- Công ty luôn đặt mục tiêu hàng đầu trong việc chăm lo tới đời sống của cán bộ công nhân viên, đảm bảo các cán bộ công nhân viên trong Công ty luôn có được một mức thu nhập ổn định, một môi trường làm việc tốt, xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp, tạo sự gắn kết bền vững giữa doanh nghiệp và người lao động.
- Các đơn vị được giao kế hoạch gắn với các chỉ tiêu cụ thể, dùng phương pháp KPI, BSC để đánh giá mức độ hoàn thành công việc được giao. Các đơn vị được xây dựng trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, hoặc phân chia địa bàn rõ ràng, phát huy tối đa lợi thế địa phương cũng như thế mạnh đặc thù của từng đơn vị.

3. Đánh giá về thu nhập bình quân của và phúc lợi người lao động:

- Năm 2025 thu nhập bình quân người lao động có sự tăng trưởng từ 16,3 triệu đồng/tháng lên 17,0 triệu đồng/tháng với mức tăng trưởng 4,3%, cho thấy Công ty đã có sự quan tâm trong việc nâng cao thu nhập cho người lao động khi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt.
- Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty tăng đều qua các năm, không có giai đoạn nào bị suy giảm, mặc dù Công ty phải đối mặt với rất nhiều khó khăn từ đại dịch Covid-19, từ những bất lợi, từ yếu tố cạnh tranh mạnh mẽ của thị trường trong và ngoài ngành. Thành quả có được là nhờ Ban lãnh đạo luôn nỗ lực hết sức để thực hiện chủ trương đảm bảo ổn định việc làm và từng bước nâng cao thu nhập, đời sống cho người lao động.

Tổng hợp thu nhập bình quân của người lao động giai đoạn 2024-2025

TT	Năm	Thu nhập bình quân (triệu VNĐ/tháng)	Tỉ lệ tăng so với năm trước (%)
1	2024	16,3	-
2	2025	17,0	4,3

- Hàng năm Công ty đều tổ chức cho toàn thể Người lao động có các hoạt động tham quan, nghỉ mát định kỳ gắn với các ngày 8.3; ngày 20.10; ngày 15-8, ...các chế độ ốm đau, thai sản, ..của Người lao động đều được Công ty đảm bảo theo và hơn các quy định của Luật Lao động.

4. Công tác kế toán tài chính:

- Công ty vẫn giữ vững chủ trương bám sát và tích cực thu hồi các khoản công nợ phát sinh trong kỳ kinh doanh theo đúng kỳ hạn. Các khoản công nợ phải trả cho người bán ngoài những khoản công nợ phải trả đối ứng với các khoản công ty phải thu hồi được nợ từ người mua mới thanh toán thì hiện công ty vẫn chưa có phát sinh khoản công nợ phải trả người bán nào tồn đọng lâu hoặc chậm trễ thanh toán trong kỳ hoạt động kinh doanh.
- Bộ phận Kế toán của Công ty cố gắng trau dồi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Công ty cũng tiếp tục chú trọng việc đầu tư, cập nhật các phần mềm quản lý tài chính mới nhất để việc triển khai công tác kế toán tài chính được chuyên nghiệp, hiệu quả, tuân thủ theo đúng pháp luật và theo đúng quy chế, quy định của Công ty, tránh được những rủi ro, sai sót không đáng có.

5. Các chương trình cộng đồng

Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty trong suốt quá trình hoạt động từ trước đến nay vẫn luôn giữ tinh thần tích cực tham gia các hoạt động mà Công đoàn Bru điện Việt nam, Đoàn Thanh niên Tập đoàn BCVTVN và địa phương phát động như các chương trình hiến máu nhân đạo, các chương trình từ thiện tại các địa phương, thường xuyên ủng hộ, quyên góp cho các tổ chức xã hội tại địa bàn, nhận nuôi một số mẹ liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng,...

6. Các mặt còn tồn tại:

- Các Quy chế điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh còn nhiều điểm bất cập, chưa theo kịp được thực tiễn, nhiều quy định còn chồng chéo, lạc hậu.
- Nguồn kinh doanh sản phẩm còn hạn chế, chưa có nhiều các sản phẩm kinh doanh đặc thù cho các đơn vị nội bộ đi bán hàng.

- Cơ chế Lương chưa gắn liền được với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị và của từng người lao động.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp thị bán hàng còn phụ thuộc nhiều vào Lãnh đạo Công ty, Cơ chế kinh doanh chưa kích thích được cá nhân CBCNV trực tiếp đi bán hàng.
- Công tác chuyển đổi số nội bộ còn chậm, chưa áp dụng diện rộng và đồng bộ trên toàn hệ thống.

B- PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh dự kiến năm 2026:

Căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và thị trường sản xuất kinh doanh dịch vụ năm 2026, Công ty Cổ phần COKYVINA trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án, nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2026 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng./.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	195.225
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	3.944
3	Tỷ suất LNST/VCSH	%	8,03
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	6,00

II. Phương hướng, chiến lược và kế hoạch triển khai năm 2026 và trong các năm tới:

1. Phát triển thị trường: COKYVINA định hướng sẽ chú trọng hơn nữa vào việc nghiên cứu thị trường trong và ngoài ngành, đặc biệt là thị trường ngoài ngành, nhằm tăng trưởng doanh thu (phần đầu tăng trưởng 15%/năm), mở rộng sản xuất kinh doanh, trở thành một trong những đơn vị kinh doanh thương mại, dịch vụ top 5 trong khối cổ phần.

2. Cơ cấu lao động và chất lượng nhân sự: COKYVINA tiếp tục đầu tư vào nguồn nhân lực chất lượng cao (đặc biệt tăng tỷ trọng nhân sự kinh doanh và kỹ thuật trong khối CNTT) với hơn 90% lao động có trình độ đại học và trên đại học, tập trung đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ CBCNV.

3. Điều chỉnh cơ chế Lương: Đặt mục tiêu khoán thu nhập đến từng CBCNV, gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh và kích thích được tối đa động lực của Người lao động.

4. Định hướng phát triển kinh doanh: Công ty định hướng phát triển trong giai đoạn 2026 - 2029 với mô hình tập trung tối đa phát triển dịch vụ (đặc biệt các dịch

vụ liên quan đến chuyển đổi số) cho thị trường trong và ngoài ngành VNPT, đồng thời tiếp tục mở rộng các ngành nghề kinh doanh:

- Duy trì, tiếp tục phát triển và hướng tới là đơn vị dẫn đầu trong các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đã ổn định như: dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu, dịch vụ cho thuê lại lao động; đại lý dịch vụ viễn thông, điểm cung cấp dịch vụ của VNPT, dịch vụ logistics: cho thuê xe ô tô, kho bãi, văn phòng...
- Tăng cường, mở rộng các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực chuyển đổi số, hợp tác chặt chẽ cùng VNPT cung cấp các dịch vụ CNTT đến khách hàng bên ngoài ngành; ổn định và phát triển các sản phẩm: Dịch vụ xác thực CCCD, giải pháp loa truyền thanh thông minh, giải pháp tích hợp camera trong các lĩnh vực, voice brandname, sản phẩm Vinacloud...Phấn đấu đến năm 2030 tỷ trọng kinh doanh các sản phẩm dịch vụ chuyển đổi số, CNTT chiếm tỷ trọng 40% tổng Doanh thu của COKYVINA.
- Phát triển đại lý giới thiệu phát triển các sản phẩm của VNPT (VNPT- Igate, Ioffice, Ecabinet, Portal, IOC), phần mềm y tế số (His, Hira, Lis).
- Đại diện bán hàng cho các nhà cung cấp thiết bị bưu chính, viễn thông, CNTT tại Việt Nam để cung cấp cho các nhà mạng như: VNPT, Viettel, Mobifone, Gtel, Vnpost, Viettel post.
- Hoàn thiện việc phát triển sản phẩm máy phát điện cỡ nhỏ thương hiệu COKYVINA cho các nhà trạm.
- Định hướng phát triển lĩnh vực đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng là một hoạt động chiến lược mở rộng doanh thu ngoài VNPT, đây không chỉ là ngành nghề phụ trợ mà sẽ trở thành “động lực tăng trưởng mới” của COKYVINA, giúp tăng lợi thế cạnh tranh, củng cố vai trò trong Tập đoàn VNPT, mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ tri thức có giá trị cao, định vị COKYVINA thành “Đơn vị giải pháp tổng thể trong chuyển đổi số & phát triển nguồn lực”.

5. Mở rộng hợp tác và đầu tư:

- Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các doanh nghiệp trong và ngoài VNPT nhằm đa dạng hóa các đối tác ngoài VNPT và hợp tác đầu tư, nhằm phát triển và đa dạng các hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ thương mại mới, chia sẻ nguồn lực và tiếp cận mở rộng thị trường.

- Khai thác hiệu quả nguồn lực sẵn có của Công ty, bao gồm hạ tầng, bất động sản và hệ thống logistics để phát triển hoạt động dịch vụ, thương mại và đầu tư tài chính.

- Tăng cường tham gia vào chuỗi cung ứng thiết bị viễn thông và giải pháp công nghệ, từng bước mở rộng thị trường.

6. Tăng cường chuyển đổi số nội bộ: văn phòng số, số hóa nghiệp vụ thuê lại lao động, kế toán tài chính, xuất nhập khẩu, ...

Trên đây là toàn bộ báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và định hướng, kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty Cổ phần COKYVINA trình Đại hội. Tổng giám đốc, Ban điều hành và toàn thể CBCNV hy vọng Công ty Cổ phần Cokyvina với tinh thần đoàn kết và sự nỗ lực quyết tâm cao khi đối mặt với khó khăn, cùng với sự linh hoạt trong việc tìm kiếm hướng đi mới trong năm 2026 để có những khởi sắc tích cực hơn nữa và sẽ hoàn thành được thật tốt các mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Xin trân trọng cảm ơn Đại hội./.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lý Chí Đức





CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/BC-CKV-BKS

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT **tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Căn cứ Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần COKYVINA.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2025 của Công ty cổ phần Cokyvina như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025:

1. Các công tác đã thực hiện năm 2025:

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của Công ty và cổ đông. Ban Kiểm soát, cử đại diện tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Ban Kiểm soát giữ mối quan hệ thường xuyên với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát các hoạt động để đảm bảo Công ty phát triển đúng định hướng, đúng pháp luật.
- Kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình tài chính của Công ty, việc chấp hành các nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, thống kê của Nhà nước.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của Pháp luật.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

H



Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch được giao năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu (DT bán hàng, DT Tài chính, Thu nhập khác)	178.153	197.135	110%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.000	3.061	102%
4	Tỉ suất LNST/VCSH	6,1%	6,23%	102%
5	Tỉ lệ chi trả cổ tức	6,27%	6,27%	100%

Ghi chú: Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là doanh thu đã trừ đi doanh thu thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động thuộc các tháng cuối năm 2024 nhưng đối soát, xuất hóa đơn vào các tháng đầu năm 2025, số tiền là 63.507 triệu đồng,

- Doanh thu tăng 110% so với KH giao.
- Lợi nhuận đạt 102% kế hoạch giao.
- Để đạt được kết quả doanh thu như trên cũng là nhờ sự nỗ lực của Ban Lãnh đạo Công ty, của Lãnh đạo các Chi nhánh, Trung tâm và của toàn bộ người lao động. Tuy nhiên theo số liệu trong báo cáo kết quả kinh doanh trong số liệu sau kiểm toán thì chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp vẫn cao. Đề xuất Tổng giám đốc tăng cường biện pháp kiểm soát giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp để đạt hiệu quả cao hơn.

3. Đánh giá của Ban Kiểm soát đối với công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Công tác quản trị được thực hiện theo đúng pháp luật, các quy định đối với hoạt động của công ty niêm yết, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hoạt động quản trị, điều hành đảm bảo tính công khai, tập trung vào chiến lược hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng đến mục tiêu hiệu quả.
- Hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ theo đúng quy định. Các cuộc họp đều có nội dung cụ thể, đều được ghi Biên bản và ban hành Nghị quyết để triển khai thực hiện.
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình trong việc điều hành quản lý Công ty.

đ

- Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện tốt các kiến nghị của cổ đông trong các kỳ họp HĐQT, thực hiện tốt các nghị quyết hội đồng quản trị; Báo cáo tài chính của Công ty đã hoàn thành đúng thời hạn quy định của Nhà nước và đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM kiểm toán và xác nhận phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành.
- Năm 2025, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty đạt kết quả tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến là 6,27%. Sử dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, với cổ đông và chăm lo đời sống cho CB-CNV, lương của Người lao động cũng được tăng so với năm 2024. Chấp hành đầy đủ quy định về công bố thông tin.

II. KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2026:

- Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.
- Tập trung thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động của Công ty.
- Giám sát tình hình triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

III. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2026. Ban Kiểm soát kiến nghị những nội dung sau:

1. Xây dựng kế hoạch (có thời hạn), tổ chức thực hiện sớm việc thu hồi các khoản công nợ **phải trả** và **phải thu** quá hạn kéo dài và báo cáo HĐQT tiến độ trong các cuộc họp HĐQT.
2. Rà soát lại những quy định nội bộ không còn phù hợp để sửa đổi và bổ sung đảm bảo đúng quy định, quy trình và công khai theo các nghị quyết hội đồng quản trị.
3. Cần đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường kinh doanh và mặt hàng kinh doanh mới.
4. Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ tình hình quản lý, điều hành kinh doanh. Quản lý và giám sát doanh thu, kiểm soát chặt chẽ chi phí bán hàng, chi phí quản lý, giá vốn hàng bán của dịch vụ thương mại đối với các phòng, trung tâm, chi nhánh trong Công ty để nâng cao hiệu quả kinh doanh.



H

5. Phân tích, đánh giá, đề xuất phương án kinh doanh của các dự án nhằm đem lại lợi nhuận cho cổ đông và cho doanh nghiệp.
6. Xem xét và điều chỉnh lại công việc của đơn vị làm ăn kém hiệu quả (lỗ) để ảnh hưởng đến cổ đông, đến Công ty và người lao động.
7. Giao kế hoạch cho các phòng, chi nhánh, trung tâm phải có thưởng, phạt đối với đơn vị đạt và không đạt kế hoạch giao, có như vậy mới phát triển được SXKD.
8. Kiểm tra và thực hiện theo đúng kế hoạch đã giao về doanh thu và lợi nhuận cho từng trung tâm và chi nhánh năm 2026.

Trên đây là báo cáo Ban Kiểm soát năm 2025 của Công ty cổ phần COKYVINA, Ban Kiểm soát chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc điều hành, Lãnh đạo phòng kế toán và Lãnh đạo các trung tâm, chi nhánh trong Công ty về sự hợp tác và tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



TẠ QUANG HIỆP



CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		114.880.952.695	150.031.762.168
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	38.009.288.488	30.399.687.567
1. Tiền	111		29.009.288.488	29.399.687.567
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	1.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		67.980.716.549	80.621.733.185
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	48.468.865.805	63.811.152.904
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.991.890.114	5.251.617.131
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	21.969.153.893	19.067.523.228
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(7.449.193.263)	(7.508.560.078)
IV. Hàng tồn kho	140		7.210.048.627	38.100.431.555
1. Hàng tồn kho	141	5.6	7.310.633.933	38.201.016.861
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5.6	(100.585.306)	(100.585.306)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.680.899.031	909.909.861
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.456.142.373	879.859.658
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		198.632.631	16.600.508
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.8	26.124.027	13.449.695
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		48.015.682.022	48.929.788.656
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000.000	2.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	2.000.000.000	2.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		28.016.911.890	29.732.277.825
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	19.813.460.640	21.528.826.575
- Nguyên giá	222		102.531.183.434	98.671.669.161
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.717.722.794)	(77.142.842.586)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	8.203.451.250	8.203.451.250
- Nguyên giá	228		8.203.451.250	8.203.451.250
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13.998.532.086	14.016.590.652
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.11	24.188.455.000	24.188.455.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.11	(10.189.922.914)	(10.171.864.348)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.000.238.046	3.180.920.179
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.245.714.169	2.458.226.175
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.12	754.523.877	722.694.004
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		162.896.634.717	198.961.550.824

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		85.480.745.415	121.834.183.430
I. Nợ ngắn hạn	310		79.643.653.445	113.034.183.430
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	28.959.392.142	43.892.432.675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	4.633.173.047	6.981.718.689
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	5.367.484.230	10.200.736.235
4. Phải trả người lao động	314		4.142.382.438	4.383.067.882
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	4.490.676.288	4.918.465.850
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	893.257.301	6.413.590.511
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	29.436.715.003	30.940.596.846
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	-	3.465.638.599
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.19	1.186.636.410	1.379.952.400
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		533.936.586	457.983.743
II. Nợ dài hạn	330		5.837.091.970	8.800.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.16	1.715.640.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	2.950.000.000	8.800.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	1.171.451.970	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		77.415.889.302	77.127.367.394
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	77.415.889.302	77.127.367.394
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.500.000.000	40.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.500.000.000	40.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.354.652.347	20.354.652.347
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.000.000.000	3.000.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(573.800.000)	(573.800.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.642.975.684	8.642.975.684
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.492.061.271	5.203.539.363
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.430.543.187	2.429.542.524
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.061.518.084	2.773.996.839
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		162.896.634.717	198.961.550.824

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Thoa

Phụ trách Kế toán Tài chính




Ngô Thị Thanh Loan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Lý Chí Đức

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	259.367.321.527	908.245.631.120
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		259.367.321.527	908.245.631.120
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	213.652.897.164	862.240.328.006
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		45.714.424.363	46.005.303.114
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.106.758.513	762.892.824
7. Chi phí tài chính	22	6.4	517.207.430	305.231.943
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		488.861.523	213.573.306
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	34.641.613.818	36.538.211.124
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.996.294.132	6.239.340.555
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		3.666.067.496	3.685.412.316
11. Thu nhập khác	31	6.6	169.435.914	716.842.646
12. Chi phí khác	32	6.6	103.501.124	775.845.054
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	65.934.790	(59.002.408)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		3.732.002.286	3.626.409.908
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	702.314.075	949.877.429
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(31.829.873)	(97.464.360)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		3.061.518.084	2.773.996.839
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	763	580

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Thoa

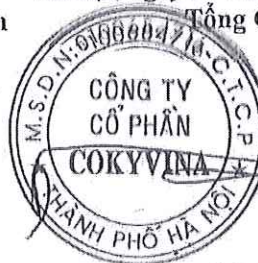
Phụ trách Kế toán Tài chính



Ngô Thị Thanh Loan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc



Lý Chí Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		433.379.091.914	473.689.653.705
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(149.691.241.121)	(156.041.276.093)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(205.076.779.027)	(189.335.615.655)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(488.861.523)	(111.566.660)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(931.685.958)	(947.863.589)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		373.737.423.762	207.248.535.963
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(428.471.104.897)	(354.151.365.012)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>22.456.843.150</i>	<i>(19.649.497.341)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.118.511.273)	(7.018.381.794)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		46.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	13.200.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		304.958.467	226.395.349
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>(3.767.552.806)</i>	<i>6.408.013.555</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		11.529.283.188	15.830.587.863
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.844.921.787)	(4.964.949.264)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.314.650.020)	(4.275.683.821)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(11.630.288.619)</i>	<i>6.589.954.778</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</i>	50		<i>7.059.001.725</i>	<i>(6.651.529.008)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.399.687.567	37.008.866.555
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		550.599.196	42.350.020
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	38.009.288.488	30.399.687.567

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Thoa

Phụ trách Kế toán Tài chính



Ngô Thị Thanh Loan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026

Tổng Giám đốc



Lý Chí Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Thù lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị			
Ông Phạm Viết Huy	Chủ tịch	36.826,087	33.478.261
Ông Lý Chí Đức	Ủy viên	25.778.262	23.434.783
Bà Phan Thị Thanh Sâm	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)	12.889.130	23.434.783
Bà Nguyễn Thị Phương Liễu	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)	25.778.261	23.434.783
Ông Nông Văn Hiếu	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)	12.889.130	-
Tổng		114.160.870	103.782.610
Thù lao của Ban Kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 28/6/2024)	-	23.434.783
Ông Tạ Quang Hiệp	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 28/6/2024)	12.889.130	-
Ông Phạm Lê Châu	Thành viên	14.730.435	13.391.304
Bà Nguyễn Thị Chiên	Thành viên	14.730.435	13.391.303
Tổng		42.350.000	50.217.390
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác			
Ông Lý Chí Đức	Tổng Giám đốc	668.946.988	540.897.423
Bà Phan Thị Thanh Sâm	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ từ ngày 15/3/2024)	-	43.663.270
Bà Nguyễn Thị Phương Liễu	Ủy viên Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 29/4/2025)	156.025.092	162.170.817
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc ngày 02/7/2025 Kế toán trưởng (miễn nhiệm ngày 07/7/2025)	395.796.928	379.043.739
Bà Ngô Thị Thanh Loan	Phụ trách kế toán (Bổ nhiệm ngày 02/7/2025)	135.812.900	-
Bà Nguyễn Hải Yêu	Người phụ trách quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/10/2025)	10.705.186	-
Tổng		1.367.287.094	1.125.775.238

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu



Vũ Thị Kim Thoa

Phụ trách Kế toán Tài chính



Ngô Thị Thanh Loan

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2026



Lý Chí Đức

Số: 05/TTr-HĐQT-KTTC

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và kế hoạch trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2025 như sau:

I. Báo cáo phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ.

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.732.002.286
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	670.484.202
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN(3)=(1) – (2)	3.061.518.084
4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025	492.394.159
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.492.061.271
6	Chia cổ tức : 6,27%	2.515.524.000
7	Thời gian chi trả cổ tức: Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời gian thích hợp chi trả cổ tức năm 2025 nhưng không quá ngày 30/09/2026	

II. Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

1. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025:

- Thù lao HĐQT&BKS năm 2024: 169.400.000 đồng. Trong đó:
Thù lao HĐQT&BKS các thành viên chuyên trách: 104.954.348 đồng.
Thù lao HĐQT&BKS các thành viên không chuyên trách: 64.445.652 đồng.
- Hội đồng quản trị trình mức chi thù lao HĐQT&BKS năm 2025 cho các thành viên chuyên trách và không chuyên trách là **183.300.000 đồng**.

2 . Kế hoạch Thù lao HĐQT và BKS cho năm tài chính 2026 :

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2026 thì thù lao HĐQT & BKS bằng **236.113.581 đồng**.
- Thù lao HĐQT&BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02%.; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT&BKS tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2026 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng giám Đốc, Phó tổng giám Đốc, Kế toán Trưởng, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách).
- Thù lao HĐQT&BKS trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức hoàn thành kế hoạch.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 
CHỦ TỊCH



PHẠM VIỆT HUY

Cách tính dự kiến

I/ Dự kiến chi thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2025:

1. Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2025 thì thù lao HĐQT và BKS bằng 183,3 triệu đồng

2. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2025 là 3.061.518.084 đồng; chiếm tỷ lệ so với kế hoạch giao là: $3.061.518.084/3.000.000.000 \times 100\% = 102,1\%$

3. Vậy Thù lao HĐQT & BKS năm 2025 : **183,3 triệu đồng**

4. Thù lao HĐQT & BKS kế hoạch năm 2026 sẽ bằng thù lao HĐQT & BKS năm 2025 x (nhân với) tỷ lệ LNST kế hoạch năm 2026/LNST thực hiện năm 2025

= $183.300.000 \times 3.943.622.471/3.061.518.084 = 236.113.581$ đồng

II/ Dự kiến trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025:

1. Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 sẽ bằng 482,5 triệu đồng x (nhân với) tỷ lệ LNST thực hiện năm 2025/LNST kế hoạch năm 2025

* Cụ thể số tính trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2025 là: $482.500.000$ đồng x (nhân với) $3.061.518.084/3.000.000.000 = 492.394.159$ đồng



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "J. B.", located in the bottom right corner of the page.



CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số: ...06.../TTr-CKV- HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ..29.. tháng ..05... năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán nội bộ năm 2026

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina lựa chọn đơn vị Kiểm toán nội bộ năm 2026 theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM VIỆT HUY



CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số: 07./TTr-CKV- HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 Ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina;
- Căn cứ danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp nhận kiểm toán cho các Công ty niêm yết.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 theo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



PHẠM VIỆT HUY

Số: 08...../TT – CKV - HĐQT

Hà nội, ngày 29.....tháng 05...năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Về việc: miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2029

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Cokyvina đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 - Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cokyvina được quy định trong Điều lệ là: 05 người. Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty đang hoạt động với số thành viên là: 04 người.

Theo quy định của pháp luật tại mục a – Khoản 4 – Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ công ty.

Do ông Phạm Viết Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina nhiệm kỳ 2025 – 2029 sẽ không tiếp tục đảm nhận chức vụ thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cokyvina. Hiện tại đang là thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của pháp luật, vì vậy, để đảm bảo đủ cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và nhằm thực hiện tốt, hiệu quả công tác điều hành, quản trị, kiểm soát các hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT – đối với ông Phạm Viết Huy kể từ ngày.....tháng.....năm 2026.



2. Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Số lượng bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị: **02 người, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.**

HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua số lượng bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT.

Danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được giới thiệu để bầu bổ sung vào HĐQT như sau:

a. Danh sách ứng viên HĐQT ứng cử, được cổ đông lớn/nhóm cổ đông giới thiệu:

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Nghề nghiệp hiện tại
1					

b. Danh sách ứng viên được các cổ đông khác giới thiệu:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM VIỆT HUY



Số:...../TT – CKV - HĐQT

Hà nội, ngày.....tháng.....năm 2026

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Về việc: miễn nhiệm thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2025-2029

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ của Công ty cổ phần Cokyvina đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 - Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Cokyvina được quy định trong Điều lệ là: 05 người. Hiện nay, Hội đồng quản trị Công ty đang hoạt động với số thành viên là: 04 người.

Theo quy định của pháp luật tại mục a – Khoản 4 – Điều 160 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với quy định tại Điều lệ công ty.

Do ông Phạm Viết Huy – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina nhiệm kỳ 2025 – 2029 sẽ không tiếp tục đảm nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cokyvina. Hiện tại đang là thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của pháp luật, vì vậy, để đảm bảo đủ cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và nhằm thực hiện tốt, hiệu quả công tác điều hành, quản trị, kiểm soát các hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên nội dung cụ thể như sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT – đối với ông Phạm Viết Huy kể từ ngày.....tháng.....năm 2026.



CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Số: 09.../TTr-CKV - HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 29 tháng 05 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Điều lệ của Công ty

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Để phù hợp với những thay đổi theo quy định của pháp luật cũng như thực tế điều hành Công ty, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung dưới đây:

1. Thông qua toàn văn Điều lệ thay đổi của Công ty Cổ phần Cokyvina.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định./.



PHẠM VIỆT HUY



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----oOo-----

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2026

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần COKYVINA được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên thành công tốt đẹp, Công ty cổ phần Cokyvina kính trình Đại hội đồng qua Quy chế làm việc tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026, cụ thể như sau:

ĐIỀU I. Mục tiêu:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của toàn bộ cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

ĐIỀU II. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông tham dự Đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc cổ đông được uỷ quyền, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày đăng ký cuối cùng 26/05/2026 được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

2. Quyền của cổ đông tham dự Đại hội:

- Mỗi cổ đông, người được uỷ quyền tham dự Đại hội phải mang theo chứng minh thư hoặc hộ chiếu và thư mời tham dự đại hội xuất trình với Ban kiểm tra tư cách đại biểu;
- Cổ đông, người được uỷ quyền tham dự đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông, người được uỷ quyền tham dự đại hội vi phạm quy chế này thì tùy mức độ cụ thể, Chủ tịch Đoàn sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo điều khoản Luật doanh nghiệp quy định, hoặc mời ra khỏi hội trường khi có hành vi làm mất an ninh, trật tự Đại Hội;



- Cổ đông, người được uỷ quyền tham dự đại hội đến Đại hội muộn (không quá 15 phút) có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Đoàn Chủ tịch không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
 - Các cổ đông, người được uỷ quyền tham dự đại hội khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.
 - Cổ đông chỉ được thực hiện các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
3. Nghĩa vụ của các cổ đông, người được uỷ quyền khi tham dự đại hội:
- Tham gia hoặc uỷ quyền tham gia cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo Điều lệ của Công ty.
 - Tuân thủ các quy định tại Quy chế làm việc này.
 - Hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và đăng ký phát biểu, thảo luận theo mẫu của Quy chế làm việc cho Ban Thư ký Đại hội.
 - Nghiêm túc chấp hành an ninh, trật tự, nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng sự điều hành của Đoàn chủ tịch và kết quả làm việc tại Đại hội.
 - Khi phát biểu, thảo luận cần đăng ký trước nội dung cho Đoàn chủ tịch và cần phải có thái độ văn minh, lịch sự, không được dùng những từ ngữ mang tính xúc phạm cá nhân, tập thể khác.
 - Sẽ bị tước quyền tham dự Đại hội bởi Chủ tịch Đoàn khi có những hành vi làm mất an ninh, trật tự tại Đại hội hoặc không tuân theo quy trình thảo luận của Quy chế làm việc.

ĐIỀU III. Uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông có thể uỷ quyền cho đại diện của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quyền hạn của mình. Người được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được uỷ quyền được thực hiện các quyền trong phạm vi được uỷ quyền phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người thứ ba.
2. Việc cử đại diện, uỷ quyền, thay đổi đại diện và người được uỷ quyền phải được thực hiện bằng văn bản gốc theo đúng những quy định sau:
 - Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản gốc Giấy uỷ quyền phải được ký tươi – chữ ký trực tiếp của chính cổ đông đó.
 - Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản gốc Giấy uỷ quyền phải được ký, đóng dấu kèm theo tài liệu chứng minh người ký có đủ thẩm quyền đại diện cho pháp nhân/tổ chức đó và phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức nước ngoài thì văn bản gốc Giấy uỷ quyền phải được ký, đóng dấu và có xác nhận của cơ quan đại diện quyền lợi hợp pháp của quốc gia mà pháp nhân/tổ chức đó mang quốc tịch tại Việt Nam (Đại sứ quán/Lãnh sự quán...).

ĐIỀU IV. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội :

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả các cổ đông bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và được uỷ quyền. Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của trên 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội trừ khi có các quy định khác của pháp luật.

2. Cách thức biểu quyết:

Cổ đông hoặc người được uỷ quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý, hoặc không đồng ý, hoặc có ý kiến khác cho một vấn đề phải thông qua tại đại hội, bằng cách giơ cao phiếu biểu quyết.

- Khi biểu quyết mặt trước của phiếu biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch.
- Ghi nhận kết quả phiếu biểu quyết của cổ đông và người được uỷ quyền được thực hiện bởi Ban Kiểm phiếu và Ban Thư ký ghi chép số liệu.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

3.1 Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của trên 50 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội gồm:

- a. Báo cáo của HĐQT năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026 và biểu quyết.
 - b. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 và biểu quyết.
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và biểu quyết.
 - d. Báo cáo tài chính rút gọn năm 2025 đã được kiểm toán.
 - e. Trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2025, trích lập quỹ, trả thù lao HĐQT, BKS Công ty năm 2025 và biểu quyết.
 - f. Trình phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2026 và biểu quyết.
 - g. Trình phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán nội bộ năm 2026 và biểu quyết.
 - h. Trình thông qua Phương án chào bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần COKYVINA tại Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm bưu điện (PTI).
 - i. Trình thông qua sửa đổi Điều lệ của Công ty Cổ phần COKYVINA và biểu quyết.
 - j. Trình thông qua chiến lược sản xuất kinh doanh giai đoạn 2026-2029 và biểu quyết
- 3.2 Đại hội tiến hành bầu cử thành viên HĐQT và biểu quyết thông qua: Kết quả bầu cử thành viên HĐQT.



ĐIỀU V. Phát biểu ý kiến tại đại hội:

1. Nguyên tắc:

Cổ đông tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (Thông qua Ban Thư ký đại hội và theo mẫu đính kèm) và được sự đồng ý của Đoàn Chủ tịch.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn, văn minh, lịch sự, tôn trọng, tránh trùng lặp và tập trung vào đúng nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn Chủ tịch đại hội sẽ sắp xếp cho các cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời sẽ giải đáp các thắc mắc của các cổ đông bằng văn bản sau khi không còn đủ thời gian.

ĐIỀU VI. Trách nhiệm của Đoàn chủ tịch:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo chương trình Đại hội dự kiến đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn các đại biểu, cổ đông thảo luận theo quy chế làm việc và có trật tự.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
- Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, tiến hành Đại hội một cách hợp lệ, đảm bảo an ninh, trật tự tại Đại Hội; Chủ tịch Đoàn có quyền mời những cá nhân, tổ chức có hành vi không tuân theo Quy chế làm việc này hoặc có hành vi làm mất an ninh, trật tự ra khỏi Hội trường tổ chức Đại hội.

ĐIỀU VII. Trách nhiệm của Thư ký đại hội:

Thư ký Đại hội do Đoàn chủ tịch giới thiệu tại Đại hội có trách nhiệm:

- Ghi chép trung thực nội dung, diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý của Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo biên bản, nghị quyết của Đại hội.

Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cokyvina được trình bày trước Đại hội và được sự chấp thuận của trên 50% số cổ đông có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua.

Quy chế này có hiệu lực kể từ thời điểm được Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Cokyvina thông qua và chấm dứt hiệu lực sau khi kết thúc Đại hội.

Kính trình Đại hội thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT



Phạm Viết Huy



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm 2026

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ - BẦU CỬ - ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
(ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CÔNG TY CỔ PHẦN
COKYVINA)**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần COKYVINA được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

Quy chế này hướng dẫn các điều kiện và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên nhiệm kỳ 2025 – 2029 của Công ty cổ phần Cokyvina.

Các cổ đông tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các quy định của Quy chế này.

Nội dung của quy chế này gồm các quy định sau:

A- Quy định về Ứng cử/ đề cử thành viên HĐQT:

ĐIỀU 1: Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

I. Số lượng bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị:

Bầu thay thế 01 thành viên hội đồng quản trị sắp nghỉ chế độ và bầu bổ sung 01 thành viên hội đồng quản trị độc lập.

II. Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:



- a) Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
- đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

II. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tổng số cổ phần phổ thông tương ứng tỷ lệ dưới đây có quyền đề cử ứng cử Hội đồng quản trị, cụ thể:
- Năm giữ từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
 - Năm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên;
 - Năm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
 - Năm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
 - Năm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
 - Năm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
 - Năm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
- b) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

ĐIỀU 2: Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào thành viên HĐQT:

1. Thành phần hồ sơ:

Thành phần hồ sơ đề cử, ứng cử gồm có:

- Đơn ứng cử, đề cử vào HĐQT bản chính.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên có xác nhận của đơn vị hoặc địa phương nơi cư trú bản chính.
- Bản sao công chứng: CMND/CCCD còn hiệu lực; Văn bằng chứng chỉ chứng nhận chuyên môn của ứng viên.
- Giấy khám sức khỏe trong khoảng 03 tháng gần nhất: bản chính.
- Giấy ủy quyền, Biên bản họp nhóm nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử bản chính.

2. Thời hạn nộp hồ sơ:

- Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Công ty cổ phần Cokyvina **chậm nhất trước 15h00 ngày 14/06/2026.**
- Địa chỉ nhận hồ sơ: Ông Hoàng Minh Đức – Thư kí công ty - Công ty cổ phần Cokyvina - Số 178 Phố Triệu Việt Vương - Phường Hai Bà Trưng - Hà Nội. Di động: 0816248085.

B- Bầu thành viên HĐQT và BKS:

ĐIỀU 4: Nguyên tắc và đối tượng thực hiện bầu cử:

1. Nguyên tắc:

- Đảm bảo tuân thủ Luật pháp, Điều lệ của Công ty (“Điều lệ”) và phù hợp với Quy chế này.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

2. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Là cổ đông sở hữu và người được ủy quyền (sau đây gọi tắt là “cổ đông”) có quyền biểu quyết (theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày đăng ký cuối cùng 26/05/2026 do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập).

ĐIỀU 5: Ban Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

1. Ban Bầu cử:

a. Số lượng và Danh sách Ban Bầu cử:

- Ban Bầu cử có 03 người, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên.
- Danh sách Ban Bầu cử do Chủ tọa đề cử và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Thành viên Ban Bầu cử không phải là người có tên trong danh sách ứng cử và/hoặc đề cử vào HĐQT.

b. Trách nhiệm Ban Bầu cử:

- Đề nghị ĐHĐCĐ thông qua quy chế bầu cử;
- Hướng dẫn quy chế bầu cử; tổ chức việc bỏ phiếu và kiểm phiếu;
- Lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông.
- Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật nếu có sai phạm.
- Bảo đảm tính trung thực, chính xác, khách quan, bảo mật.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Theo hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín tại Đại hội;
- Theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Ban Bầu cử tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của ĐHĐCĐ;
- Sau khi ĐHĐCĐ thông qua danh sách ứng viên HĐQT, Ban Bầu cử sẽ phát cho mỗi cổ đông 01 phiếu bầu HĐQT;

384716
CÔNG TY
PHẦN
CỔ PHẦN
COKYVINA
PHỐ HAI BÀ TRƯNG

- Cổ đông có trách nhiệm kiểm tra nội dung ghi trên phiếu bầu, nếu thấy sai sót phải báo ngay với Ban Bầu cử;

- Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được Ban Bầu cử niêm phong trước sự chứng kiến của các cổ đông.

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

ĐIỀU 6: Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- Số người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là người có số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại quy chế này.

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại cho số ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

ĐIỀU 7: Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu:

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử phải lập biên bản kiểm phiếu.

- Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban Bầu cử và được Trưởng Ban Bầu cử công bố trước Đại hội

ĐIỀU 8: Giải quyết khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu:

- Trong trường hợp có ý kiến của cổ đông khiếu nại hoặc cần phúc tra lại kết quả bầu cử, Ban Bầu cử sẽ trực tiếp kiểm tra lại và báo cáo kết quả với ĐHĐCĐ.

- Những khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ giải quyết và được ghi vào Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 9: Hiệu lực thi hành:

Quy chế có hiệu lực ngay sau được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và chỉ áp dụng cho việc đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Cokyvina.



PHẠM VIỆT HUY

PHỤ LỤC 1

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

I- Cách thức bầu cử :

1- Phương thức, hình thức bầu cử:

- Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và được thực hiện theo hình thức trực tiếp bỏ phiếu kín tại Đại hội theo **phương thức bầu đôn phiếu**;

- Mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp (gọi là cổ đông) có "**tổng số phiếu bầu**" tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của HĐQT;

2- Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu cử:

2.1. Loại phiếu bầu:

- Mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền (gọi là cổ đông) sẽ được cấp một phiếu bầu

o Phiếu bầu cử thành viên HĐQT (màu xanh)

- Phiếu này được gọi là "**Phiếu bầu**", trên đó có ghi tên cổ đông và tổng số phiếu bầu (quyền bầu). Khi cổ đông nhận phiếu bầu, đề nghị kiểm tra lại thông tin trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay cho Ban tổ chức.

2.2. Cách ghi phiếu bầu cử :

- Cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột "Số quyền bầu cử" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên mà mình định bầu.

- Nếu không bầu ứng viên nào, cổ đông đánh dấu (X) vào cột "Số phiếu bầu" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên mà cổ đông không định bầu.

- Cổ đông có thể dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình để bầu cho 01 ứng cử viên hoặc chia số phiếu bầu cho các ứng cử viên được lựa chọn.

- Cổ đông chỉ được bầu cho tối đa số lượng 02 ứng viên HĐQT.

- Trường hợp cổ đông ghi nhầm lẫn Phiếu bầu cử nhưng chưa bỏ phiếu đề nghị liên hệ Ban bầu cử để đổi lại Phiếu bầu .

2.3 Bỏ phiếu :

- Ban Tổ chức chuẩn bị 01 loại phiếu và phát cho cổ đông có mặt tại đại hội để bầu HĐQT.

- Cổ đông khi ghi phiếu bầu và bỏ phiếu bầu HĐQT vào thùng phiếu của Ban Bầu cử đã được Đại hội kiểm tra.

- Việc bỏ phiếu kết thúc khi cổ đông cuối cùng có mặt tại đại hội hoàn thành việc bỏ phiếu.

3. Tính hợp lệ của Phiếu bầu cử:

3.1. Phiếu bầu cử hợp lệ là:



- Phiếu do Ban Tổ chức phát hành theo Mẫu có đóng dấu tròn của Công ty Cổ phần COKYVINA;

- Bầu cho những ứng viên HĐQT có tên trong danh sách đề cử, ứng cử và trong phạm vi số lượng thành viên cần bầu đã được Đại hội thông qua;

- Có Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng số phiếu biểu quyết của cổ đông.

- Phiếu bầu cử không bị tẩy xóa, chỉnh sửa.

3.2. Phiếu bầu cử không hợp lệ là:

- Phiếu bầu cử không phải do Ban tổ chức Đại hội phát ra;

- Phiếu bầu cử không được đóng dấu tròn của Công ty cổ phần COKYVINA;

- Phiếu bầu cử bị rách, gạch, tẩy xóa, sửa chữa, bổ sung nội dung không theo quy định (trường hợp ghi sai phải đổi phiếu mới);

- Phiếu bầu cử có tổng số phiếu bầu vượt quá tổng số phiếu bầu của cổ đông;

- Phiếu bầu cho người ngoài danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Phiếu bầu cử bầu vượt quá số lượng thành viên HĐQT cần bầu;

II- Cách thức bầu dồn phiếu:

Dưới đây là ví dụ về cách ghi phiếu bầu HĐQT:

Đại hội cổ đông biểu quyết bầu bổ sung 02 thành viên HĐQT.

Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền). Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là: **(1.000 x 1) = 2.000 phiếu bầu .**

1. Trường hợp 1.

Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều phiếu bầu của mình cho 02 ứng viên mình lựa chọn (mỗi ứng viên nhận được 1000 phiếu bầu).

SỐ TT	HỌ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1.	ứng viên 1	1.000
2.	ứng viên 2	1.000
3.	ứng viên 3	X

2. Trường hợp 2.

Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết phiếu bầu của mình cho 01 ứng viên (dồn cho ứng viên 3)

SỐ TT	HỌ TÊN	SỐ PHIẾU BẦU
1.	ứng viên 1	X
2.	ứng viên 2	X
3.	ứng viên 3	2.000



DỰ THẢO
CHIẾN LƯỢC SẢN XUẤT KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2026 - 2029
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Tháng 05/2026

MỤC LỤC

1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA GIAI ĐOẠN 2026 - 2029.....	5
1.1. Xu hướng phát triển kinh tế - công nghệ toàn cầu	5
1.2. Xu hướng thị trường trong nước	5
1.3. Xu hướng phát triển ngành Thương mại dịch vụ Viễn thông	5
1.4. Định hướng phát triển của Tập đoàn VNPT và Công ty COKYVINA	6
2. TẦM NHÌN, ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.....	6
2.1. Tầm nhìn và định hướng phát triển đến năm 2029.	6
2.2. Mục tiêu chiến lược.....	7
2.2.1 Mục tiêu tổng quát	7
2.2.2 Mục tiêu phát triển Công ty đến năm 2029	8
3. ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC.	9
4. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026 - 2029.	13
4.1. Đánh giá bối cảnh giai đoạn 2022 - 2025:	13
4.2. Kế hoạch hành động giai đoạn 2026 - 2029	15
4.2.1 Duy trì ổn định và phát triển thị trường truyền thống.	15
4.2.2 Phát triển sản phẩm mới.....	18
4.2.2.1 Hoạt động kinh doanh dịch vụ Giá trị gia tăng	18
4.2.2.2 Hoạt động đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng	19
4.3. Quản trị tài chính, chi phí và phát triển vốn	20
4.3.1 Duy trì và bảo đảm nguồn lực tài chính	20
4.3.2 Quản trị chi phí đầu vào	20
4.3.3. Quản trị doanh thu và chi phí.....	21
4.4. Ứng dụng công nghệ số và tăng cường liên kết hợp tác.	21
4.5. Tổ chức và nguồn nhân lực.	21
4.5.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả quản trị	21
4.5.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.....	22
5. PHƯƠNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG CHỦ ĐẠO	22

1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA GIAI ĐOẠN 2026 - 2029

1.1. Xu hướng phát triển kinh tế - công nghệ toàn cầu

Giai đoạn 2026 - 2029 được dự báo là thời kỳ kinh tế thế giới tiếp tục biến động phức tạp, chịu tác động từ nhiều yếu tố khó lường như xung đột địa chính trị, căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn, chính sách tài chính - tiền tệ thắt chặt, cùng xu hướng bảo hộ và tự chủ công nghệ ngày càng gia tăng.

Song song với đó, chuyển đổi số toàn cầu tiếp tục diễn ra mạnh mẽ với sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud Computing) và chuyển đổi số. Các yếu tố này thúc đẩy nhu cầu phát triển các sản phẩm dịch vụ tích hợp công nghệ mới, liên tục đổi mới và đầu tư.

1.2. Xu hướng thị trường trong nước

Việt Nam đang hưởng lợi rõ rệt từ xu thế dịch chuyển đầu tư và chuỗi cung ứng quốc tế, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, viễn thông và sản xuất thiết bị điện tử. Cùng với việc Nhà nước đẩy mạnh xây dựng Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, nhu cầu tiêu thụ dịch vụ viễn thông - công nghệ tăng, đặc biệt là các doanh nghiệp, ngân hàng, cơ quan nhà nước tăng cường đầu tư vào hệ thống nhận diện, xác thực định danh số, truyền dẫn dữ liệu an toàn.

Ngoài ra, việc triển khai hạ tầng số thúc đẩy các chương trình chuyển đổi số quốc gia, cùng sự tham gia ngày càng sâu rộng của khu vực tư nhân trong lĩnh vực công nghệ thông tin - viễn thông đang mở ra thị trường phát triển năng động và đa dạng.

Áp lực cạnh tranh từ các nhà sản xuất kinh doanh dịch vụ trong nước, COKYVINA sẽ phải đối mặt với sức ép về giá, chất lượng sản phẩm dịch vụ và tiến độ giao hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận và năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa.

1.3. Xu hướng phát triển ngành Thương mại dịch vụ Viễn thông

Ngành Viễn thông toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng đang bước vào giai đoạn tăng trưởng mới, được dẫn dắt bởi công nghệ số, với các xu hướng nổi bật gồm:

AI-tự động hóa mạng lưới và hoạt động quản lý mạng

Chuyển đổi sang kiến trúc mạng đám mây, mở API, chuyển đổi OSS/BSS.

Kết hợp mạng 5G, chuẩn bị cho 6G, IoT quy mô lớn, khả năng kết nối và tốc độ tăng cao.

Những xu hướng này vừa là thách thức - đòi hỏi doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu và tái cấu trúc hoạt động, vừa là cơ hội lớn để các doanh nghiệp

viễn thông - trong đó có COKYVINA - mở rộng thị phần, phát triển sản phẩm mới và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị ngành.

1.4. Định hướng phát triển của Tập đoàn VNPT và Công ty COKYVINA

Nền kinh tế thế giới hiện đang bước vào giai đoạn chuyển dịch mạnh mẽ, đang thúc đẩy quá trình số hóa, ngành viễn thông và công nghệ thông tin Việt Nam bước vào giai đoạn cạnh tranh chiến lược mới. Đây vừa là thách thức, vừa là cơ hội để các doanh nghiệp chủ động chuyển đổi mô hình tăng trưởng, đón đầu xu hướng thị trường và khẳng định vị thế trong chuỗi giá trị số.

Đối với Tập đoàn VNPT và Công ty COKYVINA, giai đoạn 2026 - 2029 được xác định là thời kỳ tăng tốc chuyển đổi toàn diện từ doanh nghiệp viễn thông truyền thống sang nhà cung cấp dịch vụ số hàng đầu Việt Nam và hình thành nền tảng để trở thành trung tâm số (Digital Hub) của khu vực Châu Á.

Hòa nhịp với chiến lược chung của Tập đoàn, Công ty Cổ phần COKYVINA xác định giai đoạn 2026 - 2029 là thời điểm bứt phá để tái cấu trúc mô hình kinh doanh, nâng cao năng lực công nghệ và mở rộng thị trường ngoài VNPT. Mặc dù phải đối mặt với môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, chi phí đầu vào tăng cao và xu hướng giảm giá dịch vụ cạnh tranh, Công ty vẫn có nhiều dư địa tăng trưởng nhờ:

- Nhu cầu mạnh mẽ trong các lĩnh vực chuyển đổi số, xác thực điện tử, lưu trữ dữ liệu và hạ tầng viễn thông thế hệ mới;
- Chính sách nội địa hóa và tự chủ công nghệ của Chính phủ tạo điều kiện thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển sản phẩm “Make in Vietnam”;
- Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu vào Việt Nam, giúp COKYVINA gia tăng cơ hội hợp tác, chuyển giao công nghệ chuyển đổi số.

2. TẦM NHÌN, ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC.

2.1. Tầm nhìn và định hướng phát triển đến năm 2029

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy Công ty và định hướng chiến lược từ Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), COKYVINA xác định chiến lược phát triển của Công ty được xây dựng trên cơ sở gắn kết chặt chẽ với chiến lược tổng thể của Tập đoàn VNPT, bảo đảm cân bằng giữa hiệu quả kinh tế và trách nhiệm xã hội, từng bước khẳng định thương hiệu COKYVINA là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực công nghệ số, viễn thông và dịch vụ thương mại tích hợp.

Trong giai đoạn 2026 - 2029, Công ty triển khai chiến lược phát triển trên ba trụ cột chính:

Củng cố và mở rộng thị trường truyền thống

- Nâng cao chất lượng dịch vụ thương mại và cung ứng thiết bị viễn thông.
- Hoàn thiện năng lực nhân sự, đặc biệt trong lĩnh vực bán hàng, kỹ thuật, dịch vụ khách hàng, công nghệ, viễn thông.
- Giữ vững thị phần trong hệ sinh thái VNPT, đồng thời mở rộng sang các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tài chính, ngân hàng và chính quyền địa phương.

Phát triển sản phẩm công nghệ và dịch vụ số

- Tập trung vào các giải pháp chuyển đổi số, xác thực CCCD, dịch vụ điện toán đám mây, lưu trữ dữ liệu và phần mềm quản lý.
- Đẩy mạnh nghiên cứu - phát triển (R&D) để tạo ra các sản phẩm thiết bị chuyên ngành bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin, chuyển đổi số thế hệ mới, đáp ứng nhu cầu hạ tầng 5G, đô thị thông minh và an ninh số.
- Xây dựng lợi thế cạnh tranh trên nền tảng công nghệ để gia tăng giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

Mở rộng hợp tác và đa dạng hóa mô hình kinh doanh

- Thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các doanh nghiệp trong và ngoài VNPT nhằm đa dạng hóa các đối tác ngoài VNPT và hợp tác đầu tư, nhằm phát triển và đa dạng các hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ thương mại mới, chia sẻ nguồn lực và tiếp cận mở rộng thị trường.
- Khai thác hiệu quả nguồn lực sẵn có của Công ty, bao gồm hạ tầng, bất động sản và hệ thống logistics để phát triển hoạt động dịch vụ, thương mại và đầu tư tài chính.
- Tăng cường tham gia vào chuỗi cung ứng thiết bị viễn thông và giải pháp công nghệ, từng bước mở rộng thị trường.

2.2. Mục tiêu chiến lược

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Trong giai đoạn 2026 - 2029, Công ty Cổ phần COKYVINA đặt mục tiêu củng cố vững chắc vị thế trên thị trường trong nước đối với các lĩnh vực kinh doanh truyền thống như ủy thác xuất nhập khẩu, cho thuê lại lao động, logistics, dịch vụ viễn thông, dịch vụ giá trị gia tăng và cung cấp máy phát điện; đồng thời chủ động mở rộng hoạt động ra ngoài VNPT nhằm tạo động lực tăng trưởng mới và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn. Cụ thể, Công ty hướng tới:

- Duy trì và gia tăng phát triển thị phần trong nước đối với các sản phẩm thương mại dịch vụ truyền thống, dựa trên lợi thế về uy tín thương hiệu, mạng lưới khách hàng hiện hữu và năng lực cung ứng dịch vụ ổn định.

- Đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu bền vững, với mức tăng bình quân tối thiểu 5%/năm; kiểm soát tốt dòng tiền và cơ cấu tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.
- Đẩy mạnh phát triển thị trường ngoài VNPT, đặc biệt trong các mảng dịch vụ chuyển đổi số, đào tạo nhân lực, đại diện thương mại, dịch vụ logistics, dịch vụ lưu trú - văn phòng cho thuê, nhằm hình thành hệ sinh thái kinh doanh đa dạng, tạo nguồn thu ổn định và giảm tỷ lệ phụ thuộc vào hoạt động kinh doanh truyền thống.
- Từng bước nội địa hóa đầu vào, giảm chi phí, tăng tỷ lệ giá trị gia tăng nội bộ, nâng cao khả năng cạnh tranh và tự chủ trước biến động thị trường.
- Tăng cường tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư và mở rộng chuỗi giá trị, hướng tới phát triển toàn diện các sản phẩm dịch vụ thương mại viễn thông - công nghệ - đào tạo tích hợp.
- Nâng cao năng lực nội tại của doanh nghiệp thông qua đào tạo nhân sự chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển đổi số trong điều hành và quản trị, gắn kết thu nhập với hiệu quả lao động, tạo môi trường làm việc năng động và bền vững.

2.2.2 Mục tiêu phát triển Công ty đến năm 2029

Trên cơ sở định hướng phát triển của Đảng ủy và Ban lãnh đạo Công ty, căn cứ chỉ đạo của Tập đoàn VNPT và kết quả hoạt động SXKD của năm 2025, Công ty COKYVINA xây dựng mục tiêu cụ thể cho giai đoạn 2026 - 2029 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Dự kiến	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Tổng cộng giai đoạn 2026-2029	So sánh giai đoạn 2026-2029/ 2022-2025
1	Tổng doanh thu thuần	195.225	204.986	215.235	225.997	841.443	138%
2	Lợi nhuận sau thuế	3.944	4.141	4.348	4.565	16.998	162%
3	Tỷ suất LNST/VCSH (49.142 tỷ)	8.03%	8.43%	8.85%	9.29%		
4	Cổ tức (%)	6%	7%	8%	9%		

Ghi chú: Tổng doanh thu bán hàng của giai đoạn 2022-2025 là doanh thu đã trừ đi các khoản thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động trong giai đoạn 2022-2025 là 609.074 triệu đồng, Tổng lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2022-2025 là 10.464 triệu đồng

Ghi chú: Vốn chủ sở hữu được xác định bằng Vốn điều lệ + quỹ đầu tư phát triển là: 49.142 triệu đồng.

Theo kế hoạch, tổng doanh thu thuần giai đoạn 2026 - 2029 dự kiến đạt 841.443 triệu đồng, tăng 38% so với tổng doanh thu thuần (không bao gồm doanh thu từ tiền lương, BHBB, KPCĐ... của hoạt động cho thuê lại lao động) giai đoạn 2022 - 2025. Doanh thu dự kiến tăng đều từ 195.225 triệu đồng năm 2026 lên 225.997 triệu đồng năm 2029, với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 5%/năm.

Lợi nhuận sau thuế toàn giai đoạn 2026-2029 dự kiến đạt 16.998 triệu đồng, tăng 62% so với 10.464 triệu đồng của giai đoạn 2022-2025. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) được hoạch định duy trì xu hướng tăng tích cực, từ 8.03% năm 2026 lên 9.29% năm 2029, mức bình quân cao hơn so với mức bình quân khoảng 5.3%/năm của giai đoạn trước.

Chỉ tiêu cổ tức dự kiến tăng ổn định từ 6% năm 2026 lên 9% năm 2029.

Việc xác lập tầm nhìn, định hướng và mục tiêu chiến lược nêu trên thể hiện quyết tâm chính trị cao của Đảng ủy, Ban lãnh đạo và toàn thể người lao động COKYVINA, nhằm xây dựng Công ty phát triển ổn định, bền vững, đóng góp tích cực cho chiến lược phát triển của Tập đoàn VNPT, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số quốc gia mà Đảng và Chính phủ đã đề ra.

3. ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU, CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC.

Thông qua mô hình SWOT, Công ty cổ phần COKYVINA tiến hành đánh giá tổng thể toàn diện tình hình nội bộ và bối cảnh thị trường bên ngoài, để đảm bảo triển khai hiệu quả mục tiêu chiến lược giai đoạn 2026 -2029, giúp doanh nghiệp nhận diện chính xác lợi thế cạnh tranh, những hạn chế cần khắc phục, cũng như xác định các cơ hội tăng trưởng và các nguy cơ tiềm ẩn từ môi trường kinh doanh.

Phân tích SWOT dưới đây được Đảng ủy Công ty chỉ đạo thực hiện trên tinh thần đánh giá trung thực, khách quan, nhằm phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, tận dụng cơ hội và chủ động ứng phó với thách thức, góp phần xây dựng COKYVINA phát triển ổn định, bền vững và hiệu quả.

SWOT	Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
SWOT	<p>S1: Thương hiệu COKYVINA gắn với uy tín của Tập đoàn VNPT, đã có vị thế nhất định trên thị trường trong nước, tạo niềm tin với khách hàng trong doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.</p> <p>S2: Có vốn sở hữu của Tập đoàn VNPT chiếm 49% vốn góp, tạo lợi thế hỗ trợ và định hướng phát triển từ Tập đoàn, lợi thế trong tiếp cận khách hàng nhà nước, dự án công và các gói thầu viễn thông, chuyển đổi số.</p> <p>S3: Hoạt động đa ngành thương mại dịch vụ (ủy thác xuất nhập khẩu, cho thuê lại lao động, viễn thông, cloud, thiết bị chuyển đổi số, logistic..) tạo nguồn thu đa dạng, giảm rủi ro phụ thuộc vào một lĩnh vực.</p>	<p>W1: Nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ số, marketing, còn thiếu, chưa theo kịp tốc độ phát triển của thị trường công nghệ.</p> <p>W2: Cơ cấu vốn có yếu tố nhà nước (VNPT) dẫn đến quy trình phê duyệt đầu tư còn chậm, chưa linh hoạt.</p> <p>W3: Khả năng tài chính còn hạn chế so với các tập đoàn tư nhân lớn (FPT, Viettel, SunGroup...).</p> <p>W4: Chưa xây dựng hệ thống R&D riêng để tạo ra sản phẩm công nghệ mang tính sở hữu trí tuệ.</p> <p>W5: Phụ thuộc nhiều vào chuỗi cung ứng nước ngoài trong mảng thiết bị máy phát điện, dây chuyền sản xuất.</p> <p>W6: Cơ chế huy động vốn và hợp tác đầu tư ngoài Tập đoàn còn hạn chế, chưa linh hoạt trong tiếp cận nguồn vốn xã hội hóa.</p> <p>W7: Công tác quản trị đa ngành chưa tối ưu, dễ phân tán nguồn lực, thiếu trọng tâm chiến lược.</p>

SWOT		Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
Cơ hội (O)	<p>O1: Chính phủ đẩy mạnh chương trình chuyển đổi số quốc gia và kinh tế số đến 2029</p> <p>O2: Nhu cầu sử dụng dịch vụ cloud, xác thực công dân số, bảo mật dữ liệu, dịch vụ viễn thông. 5G tăng mạnh.</p> <p>O3: Xu hướng thuê ngoài nhân lực, thuê dịch vụ (outsourcing, BPO) được các doanh nghiệp lựa chọn để cắt giảm chi phí.</p> <p>O4: Chuỗi cung ứng toàn cầu dịch chuyển sang Việt Nam tạo cơ hội cho mảng nhập khẩu thiết bị.</p> <p>O5: VNPT định hướng giao thêm nhiệm vụ cho các công ty thành viên tạo cơ hội mở rộng thị phần nội bộ.</p> <p>O6: Chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài, ưu tiên lĩnh vực công nghệ, chuyển đổi số và công nghiệp xanh.</p>	<p>SO1: Tận dụng xu hướng chuyển đổi số và uy tín thương hiệu để mở rộng các hoạt động thương mại dịch vụ của công ty.</p> <p>SO2: Kết hợp thế mạnh thương mại - dịch vụ viễn thông với năng lực đào tạo kỹ thuật, logistic và ủy thác xuất nhập khẩu để hình thành hệ sinh thái dịch vụ tích hợp.</p> <p>SO3: Tăng cường ứng dụng công nghệ mới đang hiện có để quản trị doanh nghiệp hiệu quả và tạo môi trường đẩy mạnh sáng tạo, ứng dụng phát triển.</p>	<p>WO1: Tăng cường hợp tác tài chính, tìm kiếm đối tác chiến lược, liên doanh hoặc liên kết đầu tư để vừa bổ sung vốn, đổi mới thiết bị, phát triển sản phẩm số, tạo sản phẩm dịch vụ mới, mở rộng doanh thu.</p> <p>WO2: Công tác đào tạo, thu hút chuyên gia và nhân sự trình độ cao, nâng cao năng lực quản trị và kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu phát triển sản phẩm công nghệ cao.</p> <p>WO3: Đầu tư cho đào tạo nhân sự, thu hút nhân sự chất lượng cao trong lĩnh vực thương mại dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, dữ liệu, an ninh mạng.</p>
Thách thức (T)	<p>T1: Cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp và tập đoàn công nghệ lớn trong lĩnh vực công nghệ chuyển đổi số (FPT, Viettel, Construction..) và doanh nghiệp tư nhân linh hoạt.</p> <p>T2: Biến động kinh tế toàn</p>	<p>ST1: Tranh thủ sự ủng hộ từ VNPT, đa dạng hóa dịch vụ, đầu tư nhân lực và công nghệ.</p> <p>ST2: Tận dụng thương hiệu COKYVINA có thương hiệu uy tín với nhiều đối tác lớn, tạo thúc đẩy uy tín với</p>	<p>WT1: Nâng cao năng lực nhân lực công nghệ số.</p> <p>WT2: Tái cấu trúc đa dạng danh mục ngành nghề và khách hàng ngoài VNPT tập trung trọng điểm.</p>

SWOT	Điểm mạnh (S)	Điểm yếu (W)
<p>cầu, lạm phát, tỷ giá tăng làm tăng chi phí nhập khẩu thiết bị.</p> <p>T3: Rủi ro pháp lý và tuân thủ nghiêm ngặt trong các lĩnh vực nhạy cảm như dữ liệu công dân, điện toán đám mây.</p> <p>T4: Xu hướng tự động hóa, AI có thể làm giảm nhu cầu thuê lao động truyền thống.</p> <p>T5: Yêu cầu cao về năng lực quản trị khi mở rộng đa ngành – nguy cơ phân tán chiến lược và vốn đầu tư.</p> <p>T6: Doanh thu sản phẩm còn tập trung vào các sản phẩm truyền thống.</p> <p>T7: Yêu cầu kỹ thuật cao, quy chuẩn bảo mật dữ liệu trong các dịch vụ công nghệ cao.</p> <p>T8: Xây dựng cơ chế quản trị rủi ro nguyên liệu và tỷ giá, áp dụng biện pháp phòng ngừa biến động thị trường.</p> <p>T9: Phát triển dòng sản phẩm ngách (đào tạo, xác thực điện tử, dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật..) tránh cạnh tranh trực diện với nhiều doanh nghiệp lớn.</p>	<p>các đối tác khác trong và ngoài ngành.</p>	

Dựa trên kết quả phân tích SWOT, Đảng ủy và Ban lãnh đạo Công ty COKYVINA đã xác định được rõ định hướng cũng như các hành động trọng tâm cho giai đoạn tới như sau:

- Các điểm mạnh kết hợp với những cơ hội thị trường đang mở ra tạo điều kiện thuận lợi để Công ty đẩy nhanh tiến trình đổi mới công nghệ, phát triển danh mục sản phẩm mới và mở rộng không gian thị trường, khẳng định vai trò tiên phong trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ số.
- Những điểm yếu nội tại cùng các thách thức từ môi trường cạnh tranh đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao nội lực, đặc biệt là trong quản trị tài chính, đầu tư công nghệ và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Điều này là tiền đề để Công ty chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, từ phát triển theo chiều rộng sang chiều sâu.

Từ cơ sở đó, COKYVINA xây dựng hệ thống giải pháp chiến lược cho giai đoạn 2026 - 2029 nhằm củng cố năng lực cạnh tranh, duy trì đà phát triển ổn định và tiếp tục khẳng định vị thế là đơn vị chủ lực của Tập đoàn VNPT trong sản xuất thiết bị và hạ tầng viễn thông quốc gia.

4. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2026 - 2029.

4.1. Đánh giá bối cảnh giai đoạn 2022 - 2025

Trong bối cảnh nhiều biến động tiêu cực của nền kinh tế trong nước và thế giới, COKYVINA đã nỗ lực duy trì sản xuất - kinh doanh. Kết quả các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2022 - 2025 như sau:

- Tổng doanh thu giai đoạn 2022-2025 đạt **609,074 triệu đồng** (Tổng doanh thu đã trừ đi doanh thu các khoản thu hộ chi hộ, tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động trong giai đoạn 2022-2025 (không được ghi nhận doanh thu trong giai đoạn theo quy định).
- Lợi nhuận sau thuế giai đoạn 2022-2025 đạt **10.464 triệu đồng**, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình khoảng **5.3%/năm**.
- Tỷ lệ chi trả cổ tức cả giai đoạn đạt **8,5%**.

Tóm tắt diễn biến từng năm:

- **Năm 2022:** Công ty đã đạt kết quả tổng doanh thu là **556.947 triệu đồng** (đạt 110% kế hoạch) (tổng doanh thu thực hiện của năm 2022 là doanh thu đã trừ đi doanh thu thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động năm 2022 là 103.051 triệu đồng), lợi nhuận sau thuế là **2.156 triệu đồng**, tỉ lệ chi trả cổ tức là **11%**. Năm 2022 tiếp tục là một năm khó khăn khi công ty vẫn phải đối mặt với ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, cùng sự

cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp trong và ngoài ngành ở hầu hết các mảng dịch vụ. Tuy nhiên, công ty vẫn nỗ lực hết sức để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, vẫn đem lại lợi nhuận và đảm bảo cổ tức cho cổ đông của công ty.

- **Năm 2023:** Công ty đã đạt kết quả tổng doanh thu là **814.884 triệu đồng** (đạt 137% kế hoạch) (tổng doanh thu thực hiện của năm 2023 là doanh thu đã trừ đi doanh thu thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động năm 2023 là 143.259 triệu đồng), lợi nhuận sau thuế **2.472 triệu đồng** (đạt hơn 100% kế hoạch), tỉ lệ chi trả cổ tức là **11%** (đạt 100% kế hoạch). Mặc dù vẫn gặp phải rất nhiều khó khăn cùng với sự cạnh tranh ngày càng mạnh mẽ của các đơn vị trong và ngoài ngành ở hầu hết các mảng kinh doanh dịch vụ nhưng công ty vẫn nỗ lực hết sức để đạt được kết quả kinh doanh/hoàn thành vượt kế hoạch được giao, duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, ổn định việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi nhuận và đảm bảo cổ tức cho cổ đông của công ty.
- **Năm 2024:** Công ty đã đạt và vượt kế hoạch đề ra cho năm 2024, với các chỉ số kinh doanh đều đạt từ 100% trở lên, cho thấy công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả dù thị trường có nhiều thách thức. Tổng doanh thu năm 2024 đạt **909.725 triệu đồng**, vượt 5.8% so với kế hoạch (tổng doanh thu thực hiện của năm 2024 là doanh thu đã trừ đi doanh thu thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lại lao động năm 2024 là 165.627 triệu đồng), lợi nhuận sau thuế đạt **2.773 triệu đồng** vượt 2% so với kế hoạch là kết quả đến từ chiến lược bán hàng hiệu quả, tận dụng tốt các cơ hội và mở rộng thị trường và khẳng định công ty đã có các chính sách kiểm soát khá tốt chi phí sản xuất, chi phí tài chính và chi phí vận hành. Tỉ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là **5.8%**;
- **Năm 2025:** Công ty đã đạt và vượt kế hoạch đề ra cho năm 2025, với các chỉ số kinh doanh đều đạt từ 100% trở lên, cho thấy công ty đã có một năm hoạt động hiệu quả dù thị trường có nhiều thách thức. Tổng doanh thu năm 2025 đạt **197.135 triệu đồng** (đã trừ doanh thu các khoản thu hộ chi hộ tiền lương và các khoản trích theo lương của hoạt động cho thuê lao động năm 2025 là 63.507 triệu đồng) vượt 10,8% so với kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt **3.061 triệu đồng** vượt 2% so với kế hoạch là kết quả đến từ chiến lược bán hàng hiệu quả, tận dụng tốt các cơ hội và mở rộng thị trường và khẳng định công ty đã có các chính sách kiểm soát khá tốt chi phí sản xuất, chi phí tài chính và chi phí vận hành. Tỉ lệ chi trả cổ tức năm 2025 là 6,27%;

Bên cạnh khó khăn, Công ty đã chủ động thực hiện một số giải pháp nội tại: củng cố nguồn doanh thu truyền thống; siết chặt quản lý công nợ; nâng cao chất lượng dịch vụ thương mại đáp ứng yêu cầu của thị trường và tiến độ.

Giai đoạn 2022 - 2025 là thời kỳ đầy thách thức khi đối mặt với sự thay đổi của tình hình kinh tế thế giới và trong nước sau đại dịch COVID-19, nhưng tạo ra bài học quý giá: giữ gìn khách hàng chiến lược, đẩy mạnh đa dạng hóa sản phẩm, kiểm soát chi phí và củng cố năng lực nội tại - là nền tảng cho chiến lược 2026 - 2029.

4.2. Kế hoạch hành động giai đoạn 2026 - 2029

COKYVINA triển khai hành động chính nhằm đạt các mục tiêu doanh thu giai đoạn 2026 - 2029:

4.2.1. Duy trì ổn định và phát triển thị trường truyền thống

a. Khách hàng truyền thống

Trong Tập đoàn:

- **VNPT:** COKYVINA tham gia cung ứng nhân lực theo hình thức cho thuê lại lao động; cung cấp dịch vụ thương mại như cho thuê xe ô tô, dịch vụ logistics, ủy thác xuất nhập khẩu; đồng thời là đại lý phân phối thiết bị viễn thông và sản phẩm công nghệ. Công ty phối hợp chặt chẽ với VNPT Net và các VNPT tỉnh/thành trong việc cung cấp thiết bị, triển khai dự án và khai thác nhu cầu địa phương.
- **VNPT IT:** Hợp tác triển khai các giải pháp chuyển đổi số, dịch vụ xác thực căn cước công dân bằng chip, các dự án công nghệ thông tin và nền tảng số.
- **VNPT Net:** Thực hiện ủy thác xuất nhập khẩu thiết bị viễn thông, máy phát điện và các thiết bị chuyên ngành.
- **VNPT VinaPhone:** Cung cấp kênh truyền dẫn, thiết bị viễn thông, giải pháp nhân lực và dịch vụ hỗ trợ vận hành hệ thống phân phối (ki-ốt bán hàng).
- **VNPT Media:** Triển khai dịch vụ lưu trữ dữ liệu cá nhân và doanh nghiệp thông qua nền tảng Vinacloud.

Khách hàng và đối tác ngoài Tập đoàn

- **Các Bộ, ban, ngành TW:** Kênh truyền dẫn và thiết bị truyền hình, giải pháp công nghệ thông tin.
- **Bộ Công an (Cục C06):** Triển khai dịch vụ xác thực căn cước công dân gắn chip và các giải pháp quản trị dữ liệu dân cư.
- **Bảo hiểm xã hội Việt Nam:** Cung cấp kênh truyền dẫn, giải pháp công nghệ thông tin.
- **Cục thuế:** Kênh truyền, truyền hình số, giải pháp công nghệ thông tin.

- **Cục Thống kê:** Cung cấp dịch vụ hạ tầng viễn thông, kênh truyền dẫn phục vụ công tác thu thập và xử lý dữ liệu quốc gia.
- **UBND các tỉnh:** cung cấp Kiot toàn trình, giải pháp dịch vụ công.
- **Công an thành phố Hà Nội:** Cung cấp hệ thống chuyển đổi số, giải pháp nhận diện khuôn mặt, nhận diện biển số, kiểm soát an ninh và quản lý ra vào thông minh.
- **Ngân hàng HD Bank và hệ thống ngân hàng khác:** Phân phối thiết bị đọc thẻ căn cước công dân, phục vụ định danh khách hàng trong hoạt động ngân hàng số.
- **VN Post:** Cung cấp các băng tải
- **VN Pay:** Cung cấp dịch vụ xác thực căn cước công dân điện tử.
- **Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước:** Cung cấp các kênh truyền Internet.
- **Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam:** Cung cấp máy phát điện.
- **Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel:** Cung cấp dịch vụ ID check.
- **Công ty Cổ phần VTDĐ Toàn cầu Gtel Mobile (Gmobile):** Thiết bị thu phát 4G.
- **Công ty Cổ phần Thiết bị bưu điện Postef:** Cung cấp băng tải, máy nén

b. Duy trì và mở rộng thị trường truyền thống

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu:

Duy trì thị phần hiện tại, mở rộng khách hàng mới trong và ngoài VNPT, tăng sản lượng hợp đồng hàng năm.

Tăng cường phối hợp với VNPT Net, VNPT IT và các đơn vị chủ lực để đảm bảo nguồn khách hàng ổn định và mở rộng thị trường ngoài VNPT.

Hiện nay, dư địa để phát triển lĩnh vực ủy thác XNK không còn nhiều, chính vì vậy để tăng doanh thu ở lĩnh vực XNK, Công ty cần phải chuyển đổi sang hình thức khác như nhập khẩu mua bán trực tiếp, đại diện các nhà cung cấp nước ngoài tham dự thầu trong nước.

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động:

Giữ vững thị trường trong VNPT phát triển mạnh nhóm khách hàng ngoài VNPT như ngân hàng, doanh nghiệp logistics, công ty công nghệ, khu công nghiệp.

Tổ chức các trung tâm nhân lực vệ tinh tại các tỉnh/thành có nhu cầu lớn.

Xây dựng cơ sở dữ liệu nhân lực trực tuyến (HR Digital Platform) để quản lý, kết nối và phân bổ lao động theo yêu cầu thực tế.

Thực hiện đào tạo kỹ năng đầu vào, cung cấp lao động chất lượng cao và doanh nghiệp đối tác để nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng giá trị hợp đồng.

Áp dụng mô hình hợp đồng linh hoạt (theo dự án, theo vị trí, theo thời vụ) nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh dịch vụ logistic:

Khai thác tối đa năng lực về hạ tầng kho bãi, xe vận tải và vị trí doanh nghiệp để tạo chuỗi dịch vụ logistics tích hợp. Ngày 07/01/2025 UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 78/QĐ – UBND đồng ý chủ trương ký hợp đồng thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty COKYVINA đối với khu đất có diện tích 9.545,3m² tại Yên Viên, xã Phù Đổng, Hà Nội. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất COKYVINA có điều kiện thuận lợi mở rộng đầu tư nâng cấp thêm cơ sở hạ tầng cho quỹ đất còn lại, đáp ứng phát triển khai thác đa dạng hơn các hoạt động cho thuê văn phòng, nhà xưởng quy mô chất lượng, tăng doanh thu bền vững.

Tiếp tục duy trì phát triển các dịch vụ: cho thuê xe ô tô, cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc; dịch vụ lưu kho hàng hóa cho VNPT và khách hàng ngoài VNPT, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ số vào quản lý logistic (GPS, IoT, phần mềm quản lý hàng hóa, quản trị vận tải).

Nhằm tối ưu quỹ đất sẵn có tại Đà Nẵng - một trong những trung tâm du lịch, hành chính và kinh tế phát triển nhất miền Trung, tận dụng lợi thế nội tại có sẵn quỹ đất, COKYVINA định hướng thu hút tìm kiếm đầu tư doanh nghiệp trong và ngoài nước tạo ra các tổ hợp khách sạn du lịch - văn phòng cho thuê - dịch vụ lưu trú, đây là mô hình tạo thế mạnh doanh thu khi quỹ đất vị trí trung tâm có lợi thế phát triển dịch vụ lưu trú, cho thuê văn phòng.

Kinh doanh dịch vụ viễn thông:

Công ty tiếp tục duy trì kết nối chặt chẽ với các TTKD tỉnh/thành phố, hỗ trợ kịp thời và từ xa để đảm bảo hiệu quả hoạt động tại các Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông ủy quyền và Điểm cung cấp dịch vụ VNPT do COKYVINA quản lý.

Phối hợp với VNPT Media và 32 TTKD triển khai dịch vụ Mobile Money - VNPT Pay, kỳ vọng trở thành nguồn doanh thu ổn định sau khi vận hành ổn định.

Đẩy mạnh triển khai dịch vụ CNTT tại các điểm cung cấp dịch vụ, tận dụng hệ thống Điểm CNTT và Điểm viễn thông ủy quyền để mở rộng thị phần công nghệ số tại các tỉnh/thành phố.

Ngoài việc cung cấp trang bị máy phát điện cho các trạm BTS Vinaphone Viễn thông các tỉnh, Công ty đã ký các Hợp đồng cung cấp với Trung tâm điều hành hàng

không thuộc Tổng công ty quản lý bay Việt Nam và tiếp tục hướng tới mở rộng thị trường đối tác ngoài VNPT.

4.2.2. Phát triển sản phẩm mới

Trong bối cảnh nền kinh tế số đang chuyển dịch mạnh mẽ và mô hình kinh doanh truyền thống dần bão hòa, việc đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng lĩnh vực hoạt động mới trở thành yêu cầu tất yếu đối với các doanh nghiệp muốn duy trì tăng trưởng bền vững. Nhận thức rõ xu thế đó, Công ty Cổ phần COKYVINA xây dựng kế hoạch phát triển các sản phẩm dịch vụ mới trên nền tảng công nghệ số và thế mạnh nội tại sẵn có của doanh nghiệp, nhằm tạo bước đột phá về doanh thu và mô hình tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2029.

4.2.2.1. Hoạt động kinh doanh dịch vụ Giá trị gia tăng

- Hợp tác với các đối tác trong dịch vụ xác thực thẻ CCCD gắn chip đảm bảo tính pháp lý, bảo mật và chuẩn hóa kết nối hệ thống định danh công dân.
- Hoàn thiện hơn nữa hệ thống xác thực Căn cước công dân gắn chip với khả năng xử lý cao và an toàn hơn so với hệ thống cũ. Đồng thời tiếp tục phát triển dịch vụ xác thực thẻ CCCD gắn chip, với sản lượng năm 2024 đã đạt khoảng 3 triệu request, tương đương doanh số gần 10 tỷ đồng.
- Dịch vụ Viễn thông cố định mặt đất gồm: dịch vụ truyền số liệu, dịch vụ thuê kênh riêng, dịch vụ kết nối Internet, Dịch vụ mạng riêng ảo, Dịch vụ hội nghị truyền hình, Dịch vụ thư điện tử, Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng có tốc độ tải thông tin xuống từ 256 kb/s trở lên.
- Cung cấp thiết bị HN212 là đầu cuối đọc thông tin trên thẻ CCCD gắn chip để trở thành nhà cung cấp dịch vụ toàn trình cho dịch vụ xác thực thẻ CCCD gắn chip tại Việt Nam.
- Kết hợp với Vinaphone để thực hiện các dự án cung cấp kênh truyền.
- Cung cấp sản phẩm đọc thẻ căn cước công dân ra thị trường MF360.
- Nghiên cứu, triển khai, cung cấp sản phẩm Băng tải co rút Telescopic kèm tự động hóa dây chuyền.
- Thực hiện triển khai cải tiến hệ thống nhận diện khuôn mặt, biển số xe, kiểm soát vào ra/Giám sát an ninh cho cơ quan nhà nước chuyên trách.
- Phối hợp và triển khai thực hiện Dự án dịch vụ lưu trữ cá nhân Vinacloud.
- Các dịch vụ liên quan đến xác thực CCCD gắn chip, kinh doanh phần mềm, an ninh, lưu trữ dữ liệu, kinh doanh các thiết bị chuyên ngành Bưu chính, viễn

thông và CNTT,... tập trung vào việc nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc biệt là dịch vụ công nghệ thông tin.

- Phối hợp triển khai các dự án nhận diện - an ninh - dữ liệu cũng như các chương trình chuyển đổi số địa phương.
- Tăng cường, mở rộng các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực chuyển đổi số, hợp tác chặt chẽ cùng VNPT cung cấp các dịch vụ CNTT đến khách hàng bên ngoài ngành; ổn định và phát triển các sản phẩm: Dịch vụ xác thực CCCD, giải pháp loa truyền thanh thông minh, giải pháp tích hợp camera trong các lĩnh vực, voice brandname, kinh doanh sản phẩm kiot thông minh như Kiot hành chính công, kiot sức khỏe, kiot dịch vụ công AI, sản phẩm Vinacloud....Phấn đấu đến năm 2029 tỷ trọng kinh doanh các sản phẩm dịch vụ chuyển đổi số, CNTT chiếm tỷ trọng 40% tổng doanh thu của COKYVINA.

Hơn nữa, để phát huy các lợi thế hiện có về pháp lý, uy tín thương hiệu và năng lực kết nối trong Tập đoàn VNPT, Công ty COKYVINA còn định hướng mở rộng hoạt động đại diện thương mại kết hợp phân phối giải pháp công nghệ thông tin và dịch vụ chuyển đổi số trên phạm vi toàn quốc. Mục tiêu của định hướng này là không chỉ đóng vai trò là nhà phân phối sản phẩm mà còn trở thành đơn vị tư vấn – triển khai giải pháp tổng thể, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường về hạ tầng số, định danh điện tử, an ninh dữ liệu, điện toán đám mây và dịch vụ giá trị gia tăng.

Công nghệ thông tin là lĩnh vực trọng tâm trong chiến lược quốc gia đến 2030, được VNPT xác định là mũi nhọn phát triển, lĩnh vực này sẽ chuyển đổi vai trò của COKYVINA từ một công ty cung cấp dịch vụ truyền thống sang doanh nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị số của quốc gia, Công ty đã thành lập Trung tâm Kỹ thuật mục đích tăng cường năng lực kỹ thuật, đóng vai trò triển khai giám sát và hỗ trợ đơn vị kinh doanh trong Công ty về lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ thông tin và các dịch vụ kinh doanh giá trị gia tăng, hướng tới tập trung nghiên cứu các sản phẩm, dịch vụ mới, đặc biệt là dịch vụ Công nghệ thông tin, chuyển đổi số và hướng tới các khách hàng ngoài ở các lĩnh vực điện lực, y tế, ngân hàng, bưu chính...

4.2.2.2. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng nâng cao kỹ năng

Công ty COKYVINA định hướng phát triển lĩnh vực đào tạo và bồi dưỡng kỹ năng là một hoạt động chiến lược mở rộng doanh thu ngoài VNPT, đây không chỉ là ngành nghề phụ trợ mà sẽ trở thành “động lực tăng trưởng mới” của COKYVINA, giúp tăng lợi thế cạnh tranh, củng cố vai trò trong Tập đoàn VNPT, mở rộng sang lĩnh vực dịch vụ tri thức có giá trị cao, định vị COKYVINA thành “Đơn vị giải pháp tổng thể trong chuyển đổi số & phát triển nguồn lực”, cụ thể:

- Đào tạo bồi dưỡng kỹ năng mềm, marketing, bán hàng, quản trị doanh nghiệp.
- Đối tượng khách hàng hướng tới: Vinaphone, các doanh nghiệp trong và ngoài ngành
- Xây dựng các chương trình đào tạo, tài liệu chuẩn hóa theo nhu cầu thực tiễn của học viên và doanh nghiệp có nhu cầu.
- Tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ.
- Liên kết và hợp tác với các trường đại học lớn, đội ngũ các giáo sư giảng viên có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, kỹ năng cao.

Hiện nay công ty đã và đang triển khai dịch vụ đào tạo kỹ năng mềm cho nhiều cán bộ nhân viên trong nội bộ công ty và doanh nghiệp ngoài vừa tạo nguồn thu ngoài VNPT và giá trị kiến thức kỹ năng cho học viên.

Nhằm vươn xa và ổn định doanh thu từ hoạt động đào tạo, công ty định hướng kế hoạch xin cấp Giấy phép đào tạo và cấp chứng chỉ công nghệ thông tin.

4.3. Quản trị tài chính, chi phí và phát triển vốn

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu nhiều biến động, áp lực lãi suất, chi phí vốn và tỷ giá tiếp tục ảnh hưởng mạnh, cần đồng thời tối ưu chi phí và đầu tư đổi mới để duy trì biên lợi nhuận và tăng trưởng bền vững và có kế hoạch hành động như sau:

4.3.1. Duy trì và bảo đảm nguồn lực tài chính

- Duy trì nguồn tín dụng để phục vụ hoạt động thương mại, dịch vụ và đầu tư mới.
- Thiết lập hệ thống quản trị rủi ro tài chính toàn diện (đầu vào hàng hóa dịch vụ, khách hàng chậm trả, biến động lãi suất – tỷ giá).
- Huy động từ tín dụng ngân hàng, hạn mức bảo lãnh nhập khẩu, vốn tạm ứng từ khách hàng.
- Xây dựng cơ chế quản trị công nợ theo nhóm khách hàng: phân loại khách hàng theo tiến độ dự án, theo tiến độ từng tháng/quý, đặt cọc hoặc bảo lãnh ngân hàng.
- Kiểm soát chặt công nợ phải thu, rút ngắn vòng quay thu hồi vốn; giữ tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu $\leq 1,0$.

4.3.2. Quản trị chi phí đầu vào

- Thiết lập hệ thống đánh giá nhà cung cấp dựa trên giá cả, chất lượng, thời gian giao hàng.
- Đàm phán hợp đồng dài hạn để hưởng mức giá ưu đãi.
- Ứng dụng công nghệ quản trị chi phí để theo dõi đầu vào hàng hóa dịch vụ.

- Tìm kiếm các nguồn cung cấp sản phẩm hàng hóa dịch vụ ổn định, áp dụng mô hình quản trị tồn kho, đồng bộ thông tin cung - cầu tránh tích trữ dư thừa.
- Sử dụng chỉ tiêu ROA, ROE để đánh giá hiệu quả vốn.

4.3.3. Quản trị doanh thu và chi phí

- Đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng.
- Áp dụng phân tích điểm hòa vốn để xác định mức doanh thu tối thiểu.
- Kiểm soát chi phí marketing, chi phí kho bãi, logistics, nhân sự
- Tối ưu về giá và gói dịch vụ thông minh theo phân khúc khách hàng.
- Giảm chi phí đầu tư mạng lưới thông qua chia sẻ hạ tầng, thuê ngoài.

4.4. Ứng dụng công nghệ số và tăng cường liên kết hợp tác

Thị trường càng tiến tới phát triển ứng dụng sản phẩm công nghệ, cạnh tranh ngày càng khốc liệt, vừa mở ra cơ hội nhưng cũng đòi hỏi cải tiến các sản phẩm dịch vụ thương mại, nguồn nhân lực chất lượng cao và đổi mới mô hình hợp tác.

- Áp dụng các công nghệ như AI, Big Data, Blockchain, IoT, Cloud để cải tiến sản phẩm/dịch vụ.
- Phát triển nền tảng số giúp tối ưu quy trình quản trị, chăm sóc khách hàng và phân phối sản phẩm.
- Chủ động mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác nhằm tiếp cận tiến bộ công nghệ hiện đại, nâng cao trình độ kỹ thuật và hiệu quả quản lý.
- Đẩy mạnh hợp tác để không chỉ tiếp thu công nghệ mới mà còn khai thác thị trường mới.
- Hình thành các liên doanh và liên minh kinh doanh với doanh nghiệp sản xuất - thương mại dịch vụ trong cùng lĩnh vực để triển khai các dự án quy mô lớn, tối ưu hóa nguồn lực, phân tán rủi ro và củng cố lợi thế cạnh tranh lâu dài.
- Hợp tác với đối tác công nghệ và đối tác thương mại để phát triển danh mục sản phẩm đa dạng hơn, đáp ứng nhu cầu thị trường và nâng cao giá trị gia tăng cho doanh nghiệp.

4.5. Tổ chức và nguồn nhân lực

4.5.1. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và nâng cao hiệu quả quản trị

- Xây dựng mô hình tổ chức theo hướng linh hoạt - tinh gọn - hiệu quả, phù hợp với chiến lược kinh doanh hiện đại.
- Rà soát và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng phòng ban để tránh chồng chéo.

- Ứng dụng quản trị theo mục tiêu (MBO) và quản trị dựa trên dữ liệu (Data-driven Management) nhằm nâng cao hiệu quả ra quyết định.
- Tăng cường tự động hóa trong quy trình quản trị thông qua hệ thống ERP, CRM, HRM.
- Tăng cường chuyển đổi số nội bộ: văn phòng, số hóa nghiệp vụ cho thuê lại lao động, kế toán tài chính, xuất nhập khẩu...tăng hiệu quả quản lý, liên thông dữ liệu.
- Sửa đổi, bổ sung các quy định, chính sách quản lý phù hợp thực tế, tối ưu hiệu quả điều hành hoạt động doanh nghiệp.
- Cải thiện công tác quản trị và môi trường làm việc, khuyến khích như: Áp dụng mô hình đổi mới mở (Open Innovation) khuyến khích chia sẻ ý tưởng sáng tạo từ nhân viên, khách hàng và đối tác

4.5.2. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đổi mới chính sách theo hướng thu hút nhân lực chất lượng cao, chuyên gia công nghệ, kỹ sư và chuyên viên có kỹ năng.
- Xây dựng chính sách đào tạo liên tục: đào tạo kỹ thuật chuyên sâu, kỹ năng mềm, chuyển đổi số và tư duy sáng tạo.
- Áp dụng chương trình phát triển lãnh đạo kế cận (Leadership Pipeline) nhằm chuẩn bị đội ngũ quản lý lâu dài.
- Xây dựng chính sách đãi ngộ, quy chế lương thưởng hiệu quả, xây dựng văn hóa doanh nghiệp thúc đẩy sáng tạo cải tiến, phát triển, tinh thần chuyển đổi số năng động hội nhập.
- Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực và tham gia liên minh nhân lực ngành viễn thông - công nghệ thông tin để chia sẻ nguồn chuyên gia và đào tạo kỹ thuật.

Với hệ thống nhiệm vụ nêu trên, Đảng ủy, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ, công nhân viên COKYVINA quyết tâm triển khai đồng bộ, kỷ cương và hiệu quả các nhóm giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, đảm bảo tăng trưởng bền vững và đóng góp tích cực vào tiến trình chuyển đổi số và mục tiêu phát triển của Tập đoàn VNPT trong giai đoạn 2026 - 2029.

5. PHƯƠNG HƯỚNG HÀNH ĐỘNG CHỦ ĐẠO

Nhằm hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược trong giai đoạn 2026 - 2029 dưới sự định hướng của Đảng ủy Công ty và chỉ đạo của Tập đoàn VNPT, Công ty Cổ phần COKYVINA xác lập phương châm hành động mang tính nền tảng như sau:

Ổn định - hợp tác phát triển bền vững

Công ty kiên định duy trì sự ổn định trong kinh doanh thương mại dịch vụ và quản trị, đồng thời tối đa hóa hiệu quả đầu tư và hiệu quả kinh doanh. Mọi hoạt động đều hướng đến tăng trưởng ổn định, bảo toàn nguồn lực tài chính và bảo đảm quyền lợi, việc làm cho người lao động, tạo nền móng cho sự phát triển dài hạn.

Đổi mới để dẫn đầu - đồng hành để thành công

COKYVINA cam kết đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại vào mọi lĩnh vực hoạt động. Từ khâu sản xuất, thương mại, cung cấp dịch vụ đến quản trị và phát triển sản phẩm, công ty đề cao tinh thần sáng tạo, chủ động đổi mới để nâng cao năng lực cạnh tranh và bắt kịp xu hướng công nghiệp 4.0. không ngừng sáng tạo để tạo ra những sản phẩm đa dạng trong và ngoài VNPT.

Hợp tác chiến lược để gia tăng giá trị và mở rộng tầm ảnh hưởng

Công ty tích cực phát triển mạng lưới đối tác chiến lược trong nước, thúc đẩy kết nối chuỗi cung ứng, mở rộng thị trường ngoài VNPT đồng thời tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu nhằm nâng cao vị thế thương hiệu trên thị trường.

Với việc kiên trì thực hiện các phương châm hành động trên, COKYVINA không chỉ khẳng định vị thế tại thị trường trong nước mà còn tăng cường sức ảnh hưởng trên thị trường khu vực; đóng góp vào mục tiêu phát triển chung của Tập đoàn VNPT và xây dựng nền tảng vững chắc cho giai đoạn hậu 2029.

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lý Chí Đức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Hà Nội, tháng năm 2026

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	6
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	6
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	8
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	9
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	9
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	16
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	16
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	16
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông.	17
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	18
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	18
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	19
Điều 11. Mua lại cổ phần.....	20
Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại.....	21
Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	22
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	22
Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	22
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
Điều 15. Quyền của cổ đông.....	22
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau đây:	24
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	26
Điều 19. Các đại diện theo ủy quyền	27
Điều 20. Thay đổi các quyền	29
Điều 21. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	31

Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 24. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:	35
Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	37
Điều 27. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	38
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	39
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	42
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	45
Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	49
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	52
Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty	52
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	53
Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý.....	53
Điều 36. Người điều hành Công ty	53
Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	53
Điều 38: Quyền hạn và nghĩa vụ của tổng giám đốc	54
IX. BAN KIỂM SOÁT	56
Điều 40. Thành viên Ban kiểm soát.....	56
Điều 41. Ban kiểm soát.....	58
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	59
Điều 42. Trách nhiệm căn trọng	59
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	59
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	60
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	61
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	61
Điều 46. Công khai các lợi ích liên quan.....	61

Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty	61
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	62
Điều 48. Công nhân viên và công đoàn	62
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	62
Điều 49. Phân phối lợi nhuận.....	62
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .63	
Điều 50. Tài khoản ngân hàng	63
Điều 51. Năm tài chính	63
Điều 52. Chế độ kế toán.....	63
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	63
Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	63
Điều 54. Báo cáo thường niên	64
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	64
Điều 55. Kiểm toán	64
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	64
Điều 56. Dấu của doanh nghiệp.....	64
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	65
Điều 57. Giải thể công ty	65
Điều 58. Gia hạn hoạt động	65
Điều 59. Thanh lý	65
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	66
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	66
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	66
Điều 61. Điều lệ công ty	66
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	67
Điều 62. Ngày hiệu lực	67

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ vào:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100684716 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 10 tháng 5 năm 2005.
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; sửa đổi ngày 17 tháng 6 năm 2025.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - 1.1. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần COKYVINA.
 - 1.2. “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - 1.3. “**Vốn có quyền biểu quyết**” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.4. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; sửa đổi ngày 17 tháng 06 năm 2025.
 - 1.5. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - 1.6. “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - 1.7. “**Người quản lý**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân

danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty theo quy định của Công ty.

1.8. “**Người điều hành công ty**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

1.9. “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” (Sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người khác điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

1.10. “**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**” (Sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020.

1.11. “**Người đại diện theo ủy quyền**” là cá nhân được cổ đông ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ này.

1.12. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 46 Điều 4 của Luật chứng khoán 2019.

1.13. “**Thời hạn hoạt động**” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng Nghị quyết.

1.14. “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

1.15. Các từ, thuật ngữ khác không được giải thích tại Điều này sẽ hiểu theo cách giải thích tại Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COKYVINA JOINT STOCK COMPANY

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

- Tên Công ty viết tắt: COKYVINA

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 178 Phố Triệu Việt Vương - Phường Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 39781323

- Fax: 024 39782368

- E-mail: info@cokyvina.com.vn

- Website: www.cokyvina.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 59 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty có một (1) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - 3.1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty.
 - 3.2. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- 3.3. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;
5. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình,	2630
2	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và tuyển lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động	7830
3	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác Chi tiết: Sản xuất sản phẩm dây đồng (dây đồng, dây quang), lõi đồng (lõi đồng, lõi quang), bobin nhựa, bobin sắt, bobin gỗ;	2732
4	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh các loại dây và cáp thông tin (sợi đồng và sợi quang), dây và cáp điện dân dụng, cáp điện lực, nguyên liệu, vật liệu viễn thông, vật liệu điện dân dụng;	2733
5	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Cho thuê kho bãi;	5210
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: khai thuê hải quan	5229
7	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu	5510

	trú ngắn ngày; Khách sạn,	
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống ((không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
10	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ viễn thông - Kinh doanh các dịch vụ trong các lĩnh vực: bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng,	6190
11	Lập trình máy vi tính	6201
12	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
13	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: sửa chữa các sản phẩm thuộc các ngành kinh doanh	3312
14	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
15	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16	Bán buôn đồ uống	4633
17	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, vật liệu, sản phẩm cáp chuyên ngành viễn thông, dây thuê bao và vật liệu điện dân dụng;	4652
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn thiết bị pin năng lượng mặt trời, - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi	4659

	tính;	
	- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	
	- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu,	
	- Bán buôn vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, vật tư thiết bị công nghiệp, dân dụng và các lĩnh vực khác sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác.	
19	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:	8299 (Chính)
	Chi tiết:	
	- Nhận ủy thác xuất nhập khẩu (không bao gồm ủy thác đầu tư);	
	- Đầu tư trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, tài chính, công nghiệp, nhà ở, cơ sở hạ tầng, các khu công nghiệp, khu đô thị và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật);	
	- Xuất nhập khẩu trực tiếp vật tư, thiết bị lẻ, thiết bị toàn bộ trong các lĩnh vực bưu chính viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	
	- Bảo dưỡng, bảo trì, bảo hành;	
	- Lắp ráp và hoàn thiện, tư vấn, sửa chữa, bảo hành các mặt hàng Công ty kinh doanh;	
	- Dịch vụ truy cập Internet, cung cấp đường truyền trong ngành	
	- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng, viễn thông, công nghệ thông tin,	
	- Cung cấp thiết bị trong lĩnh vực y tế, giáo dục, phòng thí nghiệm, nông nghiệp,	
	- Cung cấp thiết bị trong lĩnh vực đo lường.	
21	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559

Chi tiết:

- Đào tạo lái xe cơ giới đường bộ (ô tô, mô tô, xe máy chuyên dùng)
- Đào tạo kỹ năng marketing, truyền thông, bán hàng;
- Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin;
- Đào tạo tin học ứng dụng, chuyển đổi số;
- Đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp

22	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8560
23	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Đại lý bảo hiểm	6622
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
25	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: tư vấn ký kết hợp đồng kinh tế và các dịch vụ khác được pháp luật cho phép (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp lý)	7020
26	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Chuyển giao công nghệ; Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
27	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô,	7710
28	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Giới thiệu việc làm cho người lao động	7810
29	Xây dựng nhà để ở	4101
30	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cho thuê lại lao động	7820
31	Xây dựng nhà không để ở	4102
32	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp máy móc, thiết bị trong các	2640

	lĩnh vực điện, điện tử, tin học, điện tử dân dụng, giao thông, công nghiệp, xây dựng và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật;	
33	Xây dựng công trình điện	4221
34	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
35	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
36	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu; Cho thuê thiết bị, phương tiện;	7730
37	Giáo dục nhà trẻ	8511
38	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39	Giáo dục mẫu giáo	8512
40	Xây dựng công trình công ích khác	4229
41	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông; - Đại lý xổ số (khoản 1.9, Điều 1, thông tư 65/2007/TTBTC Hướng dẫn chi tiết Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/03/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số) - Đại lý phân phối vật liệu xây dựng; - Đại lý phân phối về thiết bị công nghiệp (máy móc công cụ cắt gọt, thiết bị dây chuyền sản xuất dây và cáp, động cơ giảm tốc, băng tải);	4610
42	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức sự kiện (Trừ họp báo)	8230
43	Đại lý du lịch	7911
44	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế	7912
45	Xây dựng công trình đường sắt	4211
46	Xây dựng công trình đường bộ	4212

47	Xây dựng công trình thủy	4291
48	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
49	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
50	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
	Chi tiết: Lắp đặt hệ thống đường ống nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa.	
	Cụ thể:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống sưởi (điện, gas, dầu); - Lò sưởi, tháp làm lạnh, - Hệ thống thu nấp năng lượng mặt trời không dùng điện; - Thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị vệ sinh; - Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí; - Thiết bị khí đốt (gas); - Đường ống dẫn hơi nước; - Hệ thống phun nước chữa cháy; - Hệ thống phun nước tưới cây; - Lắp đặt hệ thống ống dẫn. 	
51	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
	Chi tiết:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí hoặc máy công nghiệp trong các công trình nhà và công trình kỹ thuật dân dụng, bao gồm cả bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thiết bị này. - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động, Dây dẫn chống sét, Hệ thống pin năng lượng mặt trời; Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung 	

52	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54	Truyền thông quảng cáo	7310
55	Sản xuất điện	3512
	Chi tiết: Sản xuất điện mặt trời	
56	Truyền tải và phân phối điện	3513
	Chi tiết:	
	Hoạt động bán buôn điện	
	Kinh doanh trạm sạc xe điện	
57	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
	Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ tổ chức sát hạch lái xe cơ giới đường bộ	
58	Cho thuê xe có động cơ	7710
	Chi tiết: Cho thuê xe phục vụ đào tạo lái xe	
59	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
60	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
	Chi tiết: Hỗ trợ hoạt động đào tạo, quản lý phương tiện	
61	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
	Chi tiết: Đăng kiểm phương tiện giao thông	
62	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
	Chi tiết: Xử lý dữ liệu hoàn chỉnh cho khách hàng như: nhập tin, làm sạch dữ liệu, tổng hợp dữ liệu, tạo báo cáo,... từ dữ liệu do khách hàng cung cấp.	
	Hoạt động cung cấp và cho thuê hạ tầng thông tin như: cho thuê tên miền internet, cho thuê trang Web...	
	Các hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan khác như: chia sẻ thời gian thực cho các thiết bị công nghệ thông tin (máy chủ, máy tính cá nhân, thiết bị di động...) cho khách hàng.	

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

2.1 Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;

2.2 Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty, góp phần giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống của người lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội và đóng góp tích cực cho ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, điều lệ của mình.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là **40.500.000.000 đồng** (Bốn mươi tỷ, năm trăm triệu đồng Việt Nam).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **4.050.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000 VND/1** cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp như sau:

TT	Tên cổ đông	Tỷ lệ nắm	Số cổ phần	Trị giá (VND)
----	-------------	-----------	------------	---------------

		giữ (%)		
1	Nhà nước (Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam - VNPT)	49%	1.984.500	19.845.000.000
2	Các cổ đông khác	51%	2.065.500	20.655.500.000

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông.

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (Hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành theo như quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công ty, người sở hữu cổ phần được cấp giấy chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, bị tẩy xóa hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần, cam kết nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy, chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty và tuân thủ theo Khoản 3 - Điều 121 Luật doanh nghiệp 2020.
5. Sổ đăng ký cổ đông
 - 5.1 Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp

giấy chứng nhận doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông ít nhất phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp 2020.

5.2 Sổ đăng ký cổ đông có thể được lập và lưu trữ bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông có thể được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

5.3 Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
3. Việc chuyển nhượng cổ phần được mua ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty sẽ được thực hiện theo pháp luật có liên quan.
4. Cổ phần thuộc sở hữu của tổ chức Công đoàn được mua từ nguồn Quỹ công đoàn không được chuyển nhượng.
5. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng cổ phần bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục, và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán. Trường hợp Cổ đông là Nhà đầu tư nước ngoài

nhận, chuyển nhượng cổ phiếu thì Công ty phải thông báo bằng văn bản tới cơ quan ĐKKD trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi đối với cổ đông là Nhà đầu tư nước ngoài.

6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất.
6.1 Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự;

6.2 Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì thực hiện theo quy định của pháp luật. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật;

6.3 Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế, trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi, nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa.

7. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định nói trên chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 - Điều 122 Luật doanh nghiệp 2020 được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.
8. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
9. Các trường hợp chuyển quyền sở hữu cổ phần khác được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán (Tối thiểu là bảy (7) ngày kể từ ngày thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 của Luật doanh nghiệp 2020. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (Không quá 150%/ năm * lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng bình quân 4 ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước là AGRIBANK, BIDV, VIETCOMBANK và VIETINBANK) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

1.1 Cổ đông bỏ phiếu phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết trên;

1.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông tại quy định Điều 1.1 Khoản 1 Điều 11 này với giá thị trường hoặc giá khác được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

2.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ

phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Điểm 2.3 khoản 2 Điều 11. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

2.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 11 Điều lệ này được xử lý theo quy định của Pháp luật.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải

thông báo tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 12 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp 2020 thì cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Tổng giám đốc
4. Ban kiểm soát

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty có thể là pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông là pháp nhân có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền nhiều hơn 03 người đại diện theo ủy quyền. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - 2.1 Cổ đông tham dự, phát biểu và biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua một trong các hình thức:
 - 2.1.1 Tham dự, phát biểu và quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc hội nghị trực tuyến khi công ty tổ chức;
 - 2.1.2 Ủy quyền cho người khác tham dự, phát biểu và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 2.1.3 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền đi dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền và giấy tờ tùy thân khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;
 - 2.1.5 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
 - 2.2 Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- 2.3 Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.4 Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo đúng quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 9 của Điều lệ này;
 - 2.5 Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - 2.6 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - 2.7 Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.8 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - 2.9 Trường hợp công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ cho các bên liên quan theo quy định của pháp luật;
 - 2.10 Yêu cầu công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 11 Điều lệ này;
 - 2.11 Các quyền khác theo pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phiếu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên liên tục ít nhất trong thời gian sáu (6) tháng có quyền:
 - 3.1 Đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điểm 2.2 Khoản 2 Điều 28 và Khoản 1 Điều 40 của Điều lệ này;
 - 3.2 Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - 3.3 Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 3.4 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; Phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân (Hoặc chứng minh nhân dân), hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; Vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - 3.5 Các quyền khác theo pháp luật và điều lệ này.
4. Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (Nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thanh toán đủ và đúng số cổ phần cam kết mua.
Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
Trường hợp có cổ đông rút lại một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
2. Tuân thủ điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Tuân thủ các điều kiện quy định rõ tại cổ phiếu đối với từng loại cổ phần tương ứng.
3. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này thông qua các hình thức sau:
 - 3.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 3.2 Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 3.3 Trong trường hợp công ty tổ chức họp trực tuyến, cổ đông thực hiện quyền tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - 3.4 Gửi phiếu biểu đến cuộc họp thông qua thư, Fax, thư điện tử;
4. Cung cấp thông tin cổ đông chính xác để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - 6.1 Vi phạm pháp luật;
 - 6.2 Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - 6.3 Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
8. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - 4.1 Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích chung của Công ty;
 - 4.2 Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - 4.3 Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - 4.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - 4.5 Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 của Luật doanh nghiệp 2020 hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - 4.6 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ này.
5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - 5.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm 4.3 Khoản 4 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm 4.4 và Điểm 4.5 Khoản 4 Điều này;
 - 5.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo

quy định tại Điểm 5.1 Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 của Luật doanh nghiệp 2020.

5.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm 5.2 Khoản 5 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm 4.4 Khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 của Luật doanh nghiệp 2020.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 5 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - 1.1 Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - 1.2 Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - 1.3 Báo cáo của ban kiểm soát;
 - 1.4 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
2. Đại hội cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:
 - 2.1 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 2.2 Thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - 2.3 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập;
 - 2.4 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
 - 2.5 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên;
 - 2.6 Ngân sách, tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - 2.7 Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty;

- 2.8 Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- 2.9 Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, hoặc chuyển đổi Công ty;
- 2.10 Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- 2.11 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- 2.12 Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- 2.13 Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- 2.14 Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán; Trường hợp này người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành;
- 2.15 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, các Luật khác liên quan và Điều lệ này;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- 3.1 Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch;
- 3.2 Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc người liên quan của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch được khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Các đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho các cá nhân, tổ chức đại diện tham dự.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - 2.1 Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của Tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - 2.2 Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - 2.3 Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - 2.4 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền và giấy tờ tùy thân khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (Nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - 3.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - 3.2 Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;
 - 3.3 Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - 3.4 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
 - 3.5 Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng đại diện theo ủy quyền; Trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;
 - 3.6 Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- 4.1 Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- 4.2 Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- 4.3 Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và Điều 24 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 17 của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - 2.1 Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ các thông tin theo quy định của Pháp luật;
 - 2.2 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- 2.3 Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - 2.4 Lập chương trình, nội dung cuộc họp và chuẩn bị các tài liệu cho cuộc họp, và các công việc khác phục vụ đại hội theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - 2.5 Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - 2.6 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, KSV;
 - 2.7 Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội Đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - 2.8 Các công việc khác phục vụ Đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội Đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, tuy nhiên Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Tài liệu gồm có:
 - 3.1 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - 3.2 Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên hội đồng quản trị, kiểm soát viên;
 - 3.3 Phiếu biểu quyết;
 - 3.4 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - 3.5 Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội Đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công

dân (hoặc giấy chứng minh nhân dân), hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập đại hội Đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

5.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

5.2 Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;

5.3 Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội Đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;

5.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm khai mạc Đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai có đủ điều kiện tiến hành họp chỉ khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai. Đại hội được triệu tập lần thứ ba được tiến hành họp không phụ thuộc vào số cổ đông tham dự và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội Đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - 3.1. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đã đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng lại đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 - 3.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người nào có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - 3.3. Trong các trường hợp khác, người kí tên triệu tập Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - 3.4. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - 3.5. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

4. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn hoặc thay đổi địa điểm đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8, Khoản 9 Điều 146 của Luật Doanh nghiệp 2020. Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội Đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - 8.1 Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 8.2 Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - 8.3 Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác;
9. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội Đồng cổ đông khi xác định địa điểm có thể:
 - 9.1 Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (Địa điểm chính của Đại hội);
 - 9.2 Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của Đại hội có thể đồng thời tham gia đại hội. Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo điều khoản này.

10. Trong điều lệ này (Trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.
11. Hàng năm công ty tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 24. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

1.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

1.2.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

1.2.2 Định hướng phát triển của Công ty;

1.2.3 Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

1.2.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

1.2.5 Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;

1.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

1.2.7 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

1.2.8 Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

2.1 Trừ trường hợp được quy định tại Điểm 2.2, Khoản 2 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành:

2.1.1 Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

2.1.2 Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

2.1.3 Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

2.1.4 Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

2.1.5 Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.

2.1.6 Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2.2 Các nghị quyết khác của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có từ 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành trừ trường hợp được quy định tại Điểm 2.1 và Điểm 2.3 Khoản 2 Điều này.

2.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao đến thấp, bắt đầu từ số ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

2.4 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;

2.5 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 24 Khoản 1.2.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi cho các tất cả

các cổ đông quyền biểu quyết ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2020. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp 2020.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

3.1 Tên, địa chỉ, mã số doanh nghiệp;

3.2 Mục đích lấy ý kiến;

3.3 Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của các cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

3.4 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

3.5 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

3.6 Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

3.7 Họ, tên, chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền. Cổ đông có thể gửi phiếu ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

4.1 Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

4.2 Gửi Fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua Fax hoặc qua thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

5.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

5.2 Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

5.3 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

5.4 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

5.5 Các vấn đề đã được thông qua;

5.6 Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, của người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; Liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều được phải lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành (như đã nêu tại mục 2.4 - Khoản 2 - Điều 24 Điều lệ này) và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể được lập bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- 1.2 Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - 1.3 Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - 1.4 Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - 1.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - 1.6 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - 1.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến Tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - 1.8 Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - 1.9 Chữ ký của chủ tọa và thư ký; Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 27. Hiệu lực các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 1.1 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

1.2 Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

1.3 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần có tỉ lệ từ 5% trở lên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2020, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu cổ phần với tỉ lệ từ 5% trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

2.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.2 Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Cơ cấu của Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm và có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng Quản trị phải là độc lập /không điều hành. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

2. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định sau:

2.1 Trường hợp đã xác định được ứng cử viên, thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử

viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản tính trung thực, tính chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

2.1.1 Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

2.1.2 Trình độ học vấn;

2.1.3 Trình độ chuyên môn;

2.1.4 Quá trình công tác;

2.1.5 Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

2.1.6 Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng cử viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

2.1.7 Các lợi ích có liên quan đến Công ty (Nếu có);

2.1.8 Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên;

2.1.9 Các thông tin khác (Nếu có).

2.2.10 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tổng số cổ phần phổ thông tương ứng tỷ lệ dưới đây có quyền đề cử ứng cử Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Nắm giữ từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên;
- Nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2.3 Trường hợp ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Trường hợp tất cả các Thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc một nhiệm kỳ thì Thành viên đó tiếp tục là Thành viên của Hội đồng quản trị cho đến khi có Thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- 4.1 Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp 2020 hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - 4.2 Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - 4.3 Không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020;
 - 4.4 Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 4.5 Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 4.6 Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - 4.7 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.
5. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - 5.1 Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ của Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - 5.2 Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 7. Thành viên đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý kinh doanh trong các ngành nghề chính của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; Không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

4. Có sức khỏe, có đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết về Pháp luật;
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
6. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể kiêm nhiệm là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty điều hành của doanh nghiệp do Công ty góp vốn. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất, kinh doanh của Công ty;
7. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

Điều 30. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:
 - 2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - 2.2 Xác định mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội Đồng cổ đông thông qua;
 - 2.3 Đề xuất loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
 - 2.4 Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán cho từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - 2.5 Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu; Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - 2.6 Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp 2020;
 - 2.7 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư, đầu tư mua sắm và xây dựng cơ bản trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - 2.8 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - 2.9 Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020; Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua và quyết định đối với các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp

đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chuyển toàn bộ hồ sơ liên quan đến việc giao kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác cho Hội đồng quản trị ngay sau khi phát sinh; đồng thời báo cáo kịp thời và đầy đủ cho Hội đồng quản trị tình hình thực hiện các Hợp đồng này tại các kỳ họp gần nhất của Hội đồng quản trị hoặc khi được yêu cầu;

2.10 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc Công ty, Kế toán trưởng Công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty, ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức lương và các lợi ích khác của họ; Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

2.11 Giám sát, chỉ đạo, hỗ trợ Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

2.12 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định việc thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của Doanh nghiệp khác; Quyết định việc tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty;

2.13 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

2.14 Trình Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Báo cáo quản trị Công ty Đại hội đồng cổ đông với các nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán;

2.15 Đề xuất mức cổ tức hàng năm, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

2.16 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản của Công ty;

2.17 Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 với giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; Đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc các nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

- 2.18 Ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; Phê duyệt định biên lao động theo quy định của Công ty; Phê duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật;
 - 2.19 Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - 2.20 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - 2.21 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và theo Điều lệ của Công ty.
3. Những vấn đề sau phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- 3.1 Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của công ty;
 - 3.2 Thành lập công ty con của công ty;
 - 3.3 Trong phạm vi quy định theo Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp 2020 trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 138 của Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - 3.4 Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;
 - 3.5 Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của công ty;
 - 3.6 Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - 3.7 Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay ở nước ngoài;
 - 3.8 Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - 3.9 Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - 3.10 Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - 3.11 Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
6. Thành viên Hội đồng quản trị (Không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là Thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được phân chia cho thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của đa số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
7. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (Bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Đại hội Đồng cổ đông. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không uỷ quyền cho người khác.
9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một (01) Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 2.1. Trình HĐQT:

- 2.1.1 Phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- 2.1.2 Phương án tổ chức lại, sát nhập hoặc giải thể Công ty;
- 2.1.3 Phương án thành lập, giải thể công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;
- 2.1.4 Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, và các hình thức kỷ luật đối với Tổng giám đốc; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng
- 2.1.5. Kế hoạch kinh doanh dài hạn và hàng năm;
- 2.1.6. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- 2.1.7. Phương án đầu tư; phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- 2.1.8. Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- 2.1.9. Báo cáo kết quả hoạt động hàng quý và báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Công ty;
- 2.1.10. Phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu và huy động thêm vốn theo các hình thức khác;
- 2.1.11. Phương án mua lại số cổ phần phổ thông đã bán, giá mua lại cổ phần;
- 2.1.12. Việc bán tài sản ghi trong sổ sách kế toán của Công ty;
- 2.1.13. Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất;
- 2.1.14. Thông qua các Hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ;
- 2.1.15. Chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHCĐ.
- 2.2 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- 2.3 Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- 2.4 Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- 2.5 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- 2.6 Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- 2.7 Thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị ủy quyền theo quy định tại Điều lệ này;

2.8. Chỉ đạo, điều hành, quyết định, tổ chức thực hiện đối với các vấn đề, nội dung liên quan đến công việc, kế hoạch kinh doanh hằng ngày của công theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty;

2.9 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và lợi ích khác đối với Trưởng, phó phòng Công ty và các chức danh tương đương;

2.10 Quyết định các vấn đề sau đây nhưng phải thông báo lại cho các thành viên Hội đồng quản trị biết về những quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị phiên gần nhất:

2.10.1 Quyết định việc thành lập, thay đổi hoặc giải thể các bộ phận giúp việc, hỗ trợ cho Hội đồng quản trị; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay đổi nhân sự các bộ phận này;

2.10.2 Thay mặt Hội đồng quản trị ký, sửa đổi, bổ sung hoặc thanh lý hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý;

2.10.3 Quyết định các vấn đề liên quan đến doanh nghiệp có vốn góp của Công ty theo sự ủy quyền của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm.

2.10.4 Liên quan đến dự án hoặc gói thầu thuộc dự án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt có giá trị tối thiểu là ba (03) tỷ đồng, được quyết định kế hoạch đấu thầu, dự toán, hồ sơ mời thầu (Bao gồm cả tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu), kết quả đấu thầu, phê duyệt nhà thầu, quyết toán và các công việc khác có liên quan. Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ xem xét ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các gói thầu hoặc Hợp đồng.

2.10.5. Liên quan đến dự án hoặc gói thầu thuộc dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty có giá trị tối đa là ba (03) tỷ đồng, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định các vấn đề của dự án theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp cần thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ xem xét ủy quyền cho Tổng giám đốc thực hiện các gói thầu hoặc Hợp đồng.

2.11. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2.12. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

2.13. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

2.14. Cơ cấu tổ chức bộ máy (thành lập, giải thể, sáp nhập, hợp nhất các Phòng, Ban, Trung tâm, Tổ giúp việc,...) trong Công ty; cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty trực thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện;

- 2.15. Tổ chức thực hiện phương án hoạt động kinh doanh, phương án đầu tư sau khi được HĐQT phê duyệt;
- 2.16. Thời hạn bổ nhiệm đối với các chức danh quản lý trong Công ty thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị tối đa là: 2 năm;
- 2.17. Tuyển dụng lao động;
- 2.18. Quyết định mức lương, phụ cấp, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc; phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng và người lao động trong Công ty trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- 2.19. Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
- 2.20. Ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty theo luật định, trừ những hợp đồng quy định tại điểm 5.2 nêu trên chỉ ký kết sau khi đã được HĐQT chấp thuận;
- 2.21. Đại diện cho Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty, trừ trường hợp quy định khác tại Điều lệ này.
- 2.22. Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay cho HĐQT;
3. Chủ tịch có thể ủy quyền lại cho Tổng giám đốc thực hiện một phần công việc điều hành của mình.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình nêu tại Khoản 4 - Điều 156 Luật doanh nghiệp 2020 thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 6.1. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- 6.2. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc hoàn thành quyền và nghĩa vụ được giao;
- 6.3. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- 6.4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- 6.5. Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hoá thông tin và thủ tục hành chính;
- 6.6. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 32. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét cần thiết, nhưng mỗi quý ít nhất phải họp một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - 3.1 Ban kiểm soát;
 - 3.2 Tổng giám đốc;
 - 3.3 Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng Quản trị;
 - 3.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; Những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Khoản 3 Điều 32 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình của công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, Fax, thư điện tử, hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và kiểm soát viên được đăng ký tại công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi ít nhất có ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (Người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức Hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

9.1 Nghe tất cả các thành viên của Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

9.2 Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp với các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “Có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay sau khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, Fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết thông qua thư, phiếu

biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

11.1 Trừ quy định tại Điểm 11.2 Khoản 11 Điều này mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

11.2 Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc các đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó có mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà những thành viên đó không có quyền biểu quyết;

11.3 Theo quy định tại Điểm 11.4 Khoản 11 điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

11.4 Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm 5.1 và Điểm 5.2 Khoản 5 Điều 43 điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết thông qua tại các cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị

tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký biên bản.

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

2.1 Có hiểu biết về pháp luật;

2.2 Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

2.3 Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, điều lệ và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định của pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm trợ lý người phụ trách quản trị công ty tùy theo từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- 4.1 Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- 4.2 Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- 4.3 Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- 4.4 Tham dự các cuộc họp;
- 4.5 Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- 4.6 Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- 4.7 Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- 4.8 Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- 4.9. Là đầu mối liên lạc với các bên liên quan
- 4.10 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 35. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36. Người điều hành Công ty

1. Được chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty được sử dụng số lượng, tiêu chuẩn của Người điều hành Công ty cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc;

2. Tổng giám đốc là người hỗ trợ Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chủ tịch Hội đồng quản trị; Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.. Thù lao, tiền lương, và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong báo cáo thường niên của công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm phải được Hội đồng quản trị Công ty thông qua. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc được quy định như sau:

4.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020;

4.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

4.3 Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người quản lý Công ty mẹ hoặc Người đại diện phần vốn góp nhà nước tại Công ty hoặc Người đại diện phần vốn góp của Công ty vào Công ty con hoặc Công ty liên kết.

4. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 38: Quyền hạn và nghĩa vụ của tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1.1 Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội Đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch Đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

1.2 Quyết định các vấn đề theo ủy quyền của Chủ tịch hội đồng quản trị bao gồm thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng Tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; Quyết định liên quan đến các gói thầu thuộc dự án đầu tư có giá trị dưới năm (05) tỷ đồng sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt. Thực hiện các gói thầu hoặc các hợp đồng được Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị uỷ quyền;

1.3 Kiến nghị số lượng và Người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người điều hành doanh nghiệp;

1.5 Kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với trưởng phòng Công ty và các chức danh tương đương;

1.6 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Trưởng, phó phòng Công ty và các chức danh tương đương khi được Chủ tịch HĐQT ủy quyền;

1.7 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và chủ tịch Hội đồng quản trị;

1.10 Chậm nhất vào ngày 31 tháng 10 hàng năm Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm của Công ty; (giữ TGD)

1.11 Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

1.12 Kiến nghị với Chủ tịch Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

1.13 Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng Quý của công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm, hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (Bao gồm cả bảng cân đối kế toán, Báo cáo kế hoạch hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

1.14 Có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật; điều lệ, quy chế nội bộ của Công ty; nghị quyết, quyết định của HĐQT và hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc với Công ty.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội Đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo với các cấp này theo định kỳ và khi được yêu cầu.

Điều 39. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc.

1. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng giám đốc; Chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.
2. Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với thời hạn là ba (3) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký hợp đồng.
3. Văn phòng và các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.
4. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương được quy định trong Quy chế quản lý, điều hành hoạt động của Công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt và Tổng giám đốc ký quyết định ban hành theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.
5. Trong quá trình hoạt động, Tổng giám đốc có thể kiến nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc thay đổi cơ cấu tổ chức, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị tương đương cho phù hợp với nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 40. Thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điểm 2.1 Khoản 2 Điều 28 Điều lệ này. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội Đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của công ty là ba (03) người và được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Ban kiểm soát bầu một (01) thành viên trong số họ làm trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

3.1 Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

3.2 Lập và ký các báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội Cổ đông.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

4.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020.

4.2 Không được là vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản trị của, Tổng giám đốc, và người quản lý khác của Công ty.

4.3 Có sức khỏe, có đạo đức, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật;

4.4 Không được giữ chức vụ quản lý trong Công ty, là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

4.5 Không được làm trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hoặc nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

5.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

5.1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Khoản 4 Điều 40 Điều lệ này;

5.1.2 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

5.1.3 Có đơn từ chức và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;

5.1.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

5.2.1 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

5.2.2 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

5.2.3 Theo quyết định của Đại hội Đồng cổ đông;

5.2.4 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 41. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - 1.1 Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - 1.2 Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - 1.3 Giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - 1.4 Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - 1.5 Báo cáo tại Đại hội Đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật chứng khoán;
 - 1.6 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ Hai phần ba (2/3) số kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội Đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họp tham gia các cuộc họp của ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân. Đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội Đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng giao dịch giữa công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

5.1 Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của các thành

viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu thành của những thành viên Hội đồng Quản trị, không có lợi ích liên quan;

5.2 Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

5.3 Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (Trừ các vụ kiện do công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- 3.1 Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- 3.2 Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác thực đã không thực hiện trách nhiệm của mình;
4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu tổng số cổ phần của Công ty theo quy định tại Điều 15 có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản được yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu trên trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông trên có trách nhiệm bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo Khoản 5 - Điều 119 Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 7 - Điều 16 Điều lệ này.
2. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết đại hội Đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội Đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
3. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 46. Công khai các lợi ích liên quan

Công ty áp dụng các quy định liên quan đến công khai các lợi ích liên quan của Công ty theo quy định Điều 164 Luật doanh nghiệp 2020.

Điều 47. Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 48. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 49. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 50. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 51. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31/12 của năm được cấp.

Điều 52. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 53. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 55 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại hội Đồng cổ đông thông qua cho cơ quan Thuế có thẩm quyền, Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, Báo cáo tình hình tài chính phải phản ánh một cách trung

thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Công ty phải lập và công bố các Báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và Báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan Thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Các Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (Bao gồm ý kiến của Kiểm toán viên), Báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và Báo cáo quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, Báo cáo sáu tháng được soát xét và Báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 54. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 55. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 56. Dấu của doanh nghiệp

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 57. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ

quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

3.1 Các chi phí thanh lý;

3.2 Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của Người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã được ký kết;

3.3 Nợ thuế;

3.4 Các khoản nợ khác của Công ty;

3.5 Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (3.1) đến mục (3.4) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

1.1. Cổ đông với Công ty;

1.2. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần COKYVINA nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

2.1 Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;

2.2 Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố;

2.3 Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở Công ty;

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế Điều lệ đã ban hành trước thời điểm Điều lệ này có hiệu lực.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KÝ TÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:



Mẫu đơn ứng cử, đề cử thành viên HĐQT



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Hà Nội, ngày tháng.....năm 2026



**ĐƠN ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT
CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA**

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần COKYVINA

Tên cổ đông/ nhóm cổ đông:

(Kèm theo Giấy ủy quyền/ biên bản họp nhóm cổ đông)

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:..... Email:.....

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp:

Tại:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Số cổ phần sở hữu tại thời điểm hiện tại: cổ phần, tương ứng với:
..... % vốn điều lệ của Công ty.

Căn cứ vào thông báo số/TB-CKV-HĐQT ngày/...../2026 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành và Điều lệ của Công ty, tôi xin tự ứng cử/ đề cử ông/bà..... vào vị trí thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần COKYVINA.

Tôi xin cam đoan ông/bà..... có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Cổ phần COKYVINA.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung các văn bản và hồ sơ ứng cử đề cử ứng viên kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Cổ phần COKYVINA.

Xin trân trọng cảm ơn!

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch của ứng viên có xác nhận của đơn vị hoặc địa phương nơi cư trú: Bản chính
2. Thẻ CCCD/ CMND còn hiệu lực và các Văn bằng, chứng chỉ chứng nhận chuyên môn của ứng viên: Bản sao công chứng
3. Giấy khám sức khỏe trong khoảng 03 tháng gần nhất: Bản chính
4. Giấy ủy quyền, Biên bản họp nhóm nếu ứng viên được nhóm cổ đông đề cử hoặc Quyết định đề cử đối với cổ đông là doanh nghiệp nhà nước: Bản chính

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ-CKV

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cokyvina;
- Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Công ty Cổ phần Cokyvina.

Tham dự Đại hội có: 10 đại biểu là cổ đông hoặc người đại diện được cổ đông ủy quyền. Các đại biểu tham dự Đại hội đại diện cho: 3.536.120 cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết (bao gồm cả cổ đông sở hữu cổ phần và cổ đông được ủy quyền tham dự), chiếm tỷ lệ: 88,14% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Cokyvina ngày 29 tháng 4 năm 2026 đã tiến hành thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

Điều 2. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

- | | |
|----------------------------------|---------------------|
| - Doanh thu năm 2026: | 195.225 triệu đồng; |
| - Lợi nhuận sau thuế năm 2026: | 3.944 triệu đồng; |
| - Tỷ suất LNST/VCSH: | 8,03%; |
| - Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2026: | 6,00%. |

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty.

Điều 5. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ năm 2025 của Công ty Cổ phần Cokyvina như nội dung đã được phê duyệt tại Đại hội, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2025 là: 6,27% và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian thích hợp chi trả cổ tức năm 2025 nhưng không quá ngày 30/9/2026.

Điều 6. Thông qua phương án chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2025 như sau:



Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2023:

- Thù lao HĐQT năm 2023: 169.400.000 đồng. Trong đó:
Thù lao HĐQT&BKS các thành viên chuyên trách: 104.954.348 đồng.
Thù lao HĐQT&BKS các thành viên không chuyên trách: 64.445.652 đồng.
Hội đồng quản trị trình mức chi thù lao HĐQT năm 2025 cho các thành viên chuyên trách và không chuyên trách là: 169.400.000 đồng.

Điều 7. Thông qua kế hoạch chi trả thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát cho năm tài chính 2026:

- Trường hợp hoàn thành (bằng kế hoạch giao) chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế năm 2026 thì thù lao HĐQT là: 236.113.581 đồng.
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện lớn hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế vượt so với kế hoạch thì được tăng tối đa 02%.; Tổng quỹ thù lao thực hiện của HĐQT tối đa không quá 20% mức tiền lương thực hiện của Người quản lý chuyên trách năm 2026 (bao gồm thành viên chuyên trách HĐQT, Tổng giám Đốc, Phó tổng giám Đốc, Kế toán Trưởng, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách);
- Thù lao HĐQT trong trường hợp lợi nhuận sau thuế thực hiện nhỏ hơn kế hoạch giao thì cứ 01% lợi nhuận sau thuế giảm so với kế hoạch thì giảm 01% so với mức hoàn thành kế hoạch.
- Trong trường hợp Công ty lỗ: không chi thù lao.

Điều 8. Thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán có đủ năng lực để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty.

Điều 9. Thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn Công ty kiểm toán nội bộ năm 2026.

Điều 10. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị

Điều 11. Thông qua Chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2026-2029.

Điều 10. Thông qua kết quả bầu cử thành viên HĐQT Công ty như Biên bản kiểm phiếu đã công bố, cụ thể như sau:

I. Kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị:

--	--	--	--

Điều 11. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 biểu quyết thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nghị quyết này được lưu giữ tại Công ty theo quy định./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Phạm Viết Huy



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà nội, ngày.....tháng năm 2026



GIẤY XÁC NHẬN

**THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2026**

Kính gửi: Công ty Cổ phần COKYVINA

Họ và tên:.....

là cổ đông của công ty Cổ phần COKYVINA

Số CMND/GPKD: Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần sở hữu:

Bảng số:(Bảng chữ :))

Tôi đã nhận được thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của quý công ty được tổ chức vào ngày 23/06/2026.

Tôi xin xác nhận việc tham dự đại hội như sau:

Có mặt tham dự đại hội :

Không có mặt tham dự đại hội :

Xin trân trọng thông báo ./.

Cổ đông
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú : Cổ đông công ty vui lòng gửi bản chính giấy xác nhận theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần COKYVINA

Địa chỉ : Số 178, Phố Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

SĐT: Bà Vũ Thị Kim Thoa – Phó Phòng KTTC – ĐĐT: 098 277 2325 Email: thoavtk8@gmail.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hà nội, ngàytháng năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Công ty Cổ phần COKYVINA



Họ và tên:.....

là cổ đông của công ty Cổ phần COKYVINA (COKYVINA)

Số CMND/GPKD: Cấp ngày: Tại:

Địa chỉ:

Tổng số cổ phần sở hữu:

Bằng số:(Bằng chữ :))

Nay tôi uỷ quyền cho:

Tên Ông/Bà:.....

Số CMND/GPKD Ngày cấp:..... Tại

Địa chỉ:

Hoặc uỷ quyền cho một trong các thành viên HĐQT sau:

- Ông Phạm Viết Huy - Chủ tịch HĐQT

- Ông Lý Chí Đức - Ủy viên HĐQT – Tổng giám đốc

Được quyền thay thế tôi (hoặc Công ty) tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần COKYVINA tổ chức vào ngày 23/06/2026.

Người thụ uỷ
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Người uỷ quyền
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Ghi chú : Cổ đông công ty vui lòng gửi bản chính giấy uỷ quyền theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần COKYVINA

Địa chỉ : Số 178, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

SĐT: Bà Vũ Thị Kim Thoa – Phó Phòng KTTC – DĐ: 098 277 2325 Email: thoavtk8@gmail.com



CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số thứ tự:.....

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2026



**PHIẾU ĐĂNG KÝ PHÁT BIỂU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA**

Kính gửi: ĐOÀN CHỦ TỊCH

1. Tên tôi là:....., là cổ đông/người được ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần COKYVINA.
2. Số CMND/CCCD:.....Ngày cấp:.....
3. Tổng số cổ phần sở hữu/được ủy quyền:
 Bảng số:.....
 Bảng chữ:.....
4. Nội dung đăng ký phát biểu:

Cổ đông/Người được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN COKYVINA

Ngày 23 tháng 6 năm 2026



PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thông tin của cổ đông tham gia bầu cử :

- | | | | |
|-----|-----------------------------------|-------------------------------------|----------|
| 1.1 | Tên cổ đông: | CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH MTV BƯU ĐIỆN | |
| 1.2 | Số cổ phần sở hữu: | 100,000 | cổ phiếu |
| 1.3 | Số cổ phần đại diện: | 0 | cổ phiếu |
| 1.4 | Tổng số cổ phần: | 100,000 | cổ phiếu |
| 1.5 | Số TV. HĐQT nhiệm kỳ (2025-2029): | 1 THÀNH VIÊN | |
| 1.6 | Tổng số quyền bầu cử: | 100,000 | |

2. Phân bầu cử :

Số TT	Họ và tên	Số quyền bầu cử
(1)	(2)	(3)
1		
	Tổng cộng (Không quá: 100,000)	

3. Hướng dẫn bầu cử (theo nguyên tắc bầu dồn phiếu):

- Cổ đông có quyền biểu quyết hết toàn bộ hoặc một phần tổng số quyền bầu cử của mình cho từ 1 ứng viên, phần quyền bầu cử còn lại có thể không bầu cho bất kỳ thành viên nào.
- Nếu không bầu cho ứng viên nào, yêu cầu gạch chéo (x) vào ô "Số quyền bầu cử" của ứng viên đó hoặc bỏ trống.